NĂM THỨ 3, SỐ 49 : 16 NOVEMBRE 1943

THANH-NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

— Trong cuộc thi tiểu công-nghệ sắp tới : Vấn-đề quần áo của dân-chúng.	VŨ ĐÌNH HÒE
— Hiến-pháp Trung-hoa : Hiến-pháp lâm thời.	PHAN ANH
— Chế-độ nghiệp đoàn ở nước Ý	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Độc thân.	HƯỞNG MINH
— Xã-hội Việt-nam từ thế kỷ thứ XVII.	NGUYỄN TRỌNG PHẤN
— Những bệnh gia truyền.	NGUYỄN ĐÌNH HÀO
— Danh văn ngoại quốc.	HOÀI ANH
— Bạn đọc viết : Gõ đầu trẻ.	LÂM TUYỀN KHÁCH
— Một đêm hè *(truyện ngắn)*	NGUYỄN HỮU ĐIỀN
— Ai phá hủy ?... Ai sây dựng ?...	NGHIÊM XUÂN YÊM
— Đọc sách, xem kịch.	L. H. V.
— Việc quốc tế,	Đ. Đ. D.

TÒA BÁO : 214 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI — GIÁ 0$40

3 tháng : 2$30 ; 6 tháng : 4$50 ; 12 tháng : 8$50

TRONG CUỘC THI TIỂU CÔNG NGHỆ SẮP TỚI

VẤN-ĐỀ QUẦN ÁO CỦA DÂN CHÚNG

VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG số trước (1er Novembre 1943) bàn về việc chống nạn rét cho dân-chúng, tôi đã nêu sự cần thiết « phải tìm một thứ mặc, tránh được rét mà phải binh dân có thể tự cung cấp bằng sức tiền tài của mình ». *Muốn vậy:* « phải tìm một thứ nguyên liệu nào xấu, nhưng sẵn và rẻ ; phải nghĩ một cách thô sơ nhưng giản dị, để biến chế nguyên liệu ấy ; và bằng nguyên liệu đã biến chế phải nghĩ một kiểu áo, quê kệch nhưng tiện lợi cho sự làm việc mà dù che thân ho dỡ rét» *Rồi tôi tỏ ý mong mỏi có những sự tìm tòi có hiệu quả về ba phương diện ấy khiến người ta giải quyết được một vấn đề cực kỳ quan trọng : vấn đề quần áo của dân chúng trong tình thế khó khăn này.*

Sau đó, các báo hàng ngày có đăng một tin đáng chú ý: « *Đến 9 décembre 1943 quan Toàn quyền Đông dương sẽ khánh thành kỳ thi Tiểu công nghệ, có thêm một ban mới là ban* « *quần áo rẻ tiền* ». *Trong ban ấy sẽ nhận bày các tác phẩm mới lạ, các kiểu quần áo giá rẻ để bán cho dân nghèo do các nhà tiểu công nghệ chế ra bằng cói, lá gồi, sợi chuối dại hay bằng chất có sợi mới khác. Có bốn phần thưởng từ 20đ. đến 100 . Ngoài ra lại có thể được tư thưởng phẩm-hàm và huy chương Riêng về ban này những đồ dự thi sẽ phải gửi đến tới hôm 28 novembre là hạn cuối cùng»* (*Tin Mới ra ngày 17 Novembre 1943*)

* * *

Xét về hai cuộc thi Tiểu công nghệ tổ chức hồi tháng décembre 1941 và décembre 1942 trong một số đầu năm nay, tôi đã nhận thấy điều này : « *những sản phẩm mới hầu hết là những đồ hàng cung cấp cho phái trung lưu. Hạng bình dân khó lòng tìm được một thứ hàng để thay những thứ cần dùng tiện lợi và giá phải chăng. Một thứ hàng tối cần cho bọn này là vải may quần áo. Không một nhà công nghệ nào nghĩ tìm cho họ một thứ vải dệt đan, hay bện; bằng cỏ, bằng cói, bằng lá, bằng vỏ cây, thô kệch cũng được nhưng đủ ấm và do những nguyên liệu rẻ và dễ tìm...*» (*T. N. số 34, 1 avril 1943*).

Nay cứ theo tin ở trên vừa công bố ta nên vui mừng nhận thấy một việc mới mẻ trong kỳ thi tiểu công nghệ sắp tới. . . . . Ta chỉ còn mong đợi ở sự hoạt động của « *ban quần áo rẻ tiền* » *và sự hưởng ứng của những nhà công nghệ có óc tìm tòi.*

* * *

. . . . . .

* * *

Đứng về phương diện người dự thi tôi thiết tưởng người ta không nên chăm chú tìm những lối đan dệt « *thần tình* » *hay những kiểu vải dệt cầu kỳ. Ở đây, chỉ miễn là mặc được, rồi càng giản dị bao nhiêu, càng rẻ bao nhiêu là càng chứng tỏ cái khiếu tìm tòi bấy nhiêu. Một điều rất quan trọng nữa là phải chú ý đặc biệt đến cái lượng sản xuất. Nói ví dụ có người nghĩ được cách dệt vải bằng sợi chuối và tính theo sự thí nghiệm thì phí tổn rất ít. Nhưng ta thử nghĩ Khi đem thực hành sự tìm tòi ấy. thì lấy đâu ra đủ sợi chuối để cung cấp số vải cần dùng cho từng hàng triệu người! Vậy nên phải nghĩ đến dùng một thứ nguyên liệu rẻ mà hiện có rất nhiều hoặc có thể làm lan rộng rất nhiều trong một thời hạn ngắn ngắn bằng một cách dễ-dàng và không tốn. Ta thử nghĩ đến cói. Hiện đã có thứ vải làm bằng cói gọi là vải buồm cũng có thể may được áo. Nhưng cói chỉ mọc ở những ruộng lầy miền bể, tất nhiên số cói không thể đủ dùng được, Ta thử nghĩ đến lá gồi. Thứ nguyên liệu này có thể có nhiều vì sẵn rẻ ở trên rừng. Nhưng nếu tính công hái và đài lải thì dẫu có đặt được kiểu mặc gì mới, tất khi làm thành áo, cái áo cũng phải đắt hơn chiếc* « *áo lời* » *lối áo dân dị nhất mà cái giá bây giờ đã là quá đắt đối với dân nghèo. Hay thử nghĩ đến một thứ cỏ? Cỏ gì bây giờ? Phải là thứ cỏ mọc sẵn ở trên rừng hay ở những đất bỏ hoang. Chứ có lẽ lại đem giống ở bãi ở ruộng hay sao! Giá nó cũng đắt ít ra bằng giá thóc giá đậu, ...*

Suy đi xét lại, tôi thiết nghĩ chỉ còn một thứ nguyên liệu rất rẻ và rất sẵn, có luôn luôn và chỗ nào cũng có. Ấy là ROM. Chỉ còn phải nghĩ cách biến chế nguyên liệu ấy. Tôi đã bày tỏ ý kiến trong kỳ báo trước. Nay xin nhắc lại. Tưởng các nhà công nghệ nên chú ý.

Vũ đình Hòe

HỘP THƯ TRỊ SỰ

Bạn đọc muốn đổi chỗ ở, xin gửi về 0$30 (bằng tem), tiền lệ-phí và đừng quên cho biết địa chỉ cũ. Không được thế, báo sẽ vẫn cứ gửi đến chỗ ở trước.

TY TRỊ SỰ
214 Hàng Bông Hanoi.

SẦM-SƠN
TỬU LÂU
ĐẶC BIỆT TRONG MÙA RÉT
TẢ PÍ LÙ

Hiến pháp Trung-hoa

PHAN ANH

Hiến pháp lâm thời

Năm 1928, cuộc Bắc phạt thành công, Quốc Dân Đảng đã gây thành nền thống-nhất của Trung-Quốc.

Ngày 10 tháng mười năm ấy, một đạo luật căn bản, phác định cách tổ-chức chính phủ dân quốc.

Rồi ba năm về sau, 1931, ngày mồng 1 tháng sáu, *một đạo lâm-thời hiến-pháp ban hành.*

Đạo hiến-pháp này có thể coi là nền tảng hiến-pháp hiện tại của Trung-Quốc.

Mà hòn đá đầu tiên, và khuôn mẫu của cái nền tảng ấy tức là một bản chương-trình của Tôn-Văn, nhan đề là: « *Quốc dân chính phủ, kiến quốc đại cương* » viết ngày 12 tháng tư năm Dân-Quốc 13 tức là 1924.

Trước khi bàn đến đạo lâm thời hiến-pháp tối quan trọng ấy, chúng tôi xin lược dịch mấy thứ văn kiện kể trên, để cho sự phê bình có một căn cứ đích xác.

Quốc dân chính phủ kiến quốc đại cương

(Đó là bản chương-trình của Tôn Văn về công cuộc kiến thiết và tổ-chức Trung-Hoa dân quốc (1924).

Khoản 1. — Chương-trình kiến-thiết Trung Hoa dân quốc của quốc dân chính-phủ sẽ căn-cứ vào « Tam dân chủ nghĩa » và « Ngũ Quyền hiến pháp » của đảng cách mệnh ta.

Khoản 2. — Mục đích quan-trọng nhất của công cuộc kiến-thiết là sinh kế của quốc dân. Cho nên, đối với bốn sự đại nhu cầu của nhân dân là Thực, Y, Cư, Hành, chính phủ phải giúp dân mở mang nghề nông để dân đủ cơm ăn, phát triển nghề dệt cho dân đủ áo mặc, khuyến-trương kiến trúc cho dân đủ nhà ở, và xây đắp đường xá để cho tiện lợi sự giao thông.

Khoản 3. — Mục đích thứ hai là « Dân quyền », cho nên đối với tri thức và năng lực chính-trị của nhân dân, chính-phủ phải giảy bảo, chỉ dẫn cho dân biết sử dụng quyền « *tuyển cử* » (droit de vote) quyền « *bãi quan* » (droit de revocation des fonctionnaires) quyền « *sáng chế* » (droit d'initiative) và quyền « *phúc-quyết* » (droit de referendum).

Khoản 4. — Mục đích thứ ba là « dân tộc ». Cho nên đối với những nhóm thiểu số dân tộc hèn yếu trong nước (như Mông-cổ, Tây-tạng...), chính phủ phải giúp đỡ họ để họ tự quyết tự trị được; đối với những nước ngoài xâm lấn thì chính-phủ phải đề kháng và đồng thời tìm cách sửa đổi những hợp ước bất bình đẳng, để cho nước ta được ngang hàng với liệt cường, và thật là độc-lập.

Khoản 5. — Cuộc kiến-thiết tuần tự theo ba thời kỳ; 1·) Quân chính thời kỳ; 2·) Huấn chính thời kỳ; 3·) Hiến chính thời kỳ.

Khoản 6. — Về thời kỳ Quân chính thì nhất thiết mọi việc là do quân chính định đoạt. Chính-phủ một mặt dùng binh lực để tảo trừ những trở lực trong nước, và một mặt tuyên truyền chủ nghĩa để khai hóa nhân tâm mà cho chóng thành cuộc quốc gia thống nhất.

Khoản 7. — Phàm hễ một tỉnh nào cuộc bình định đã xong, thì phải bỏ ngay Quân chính mà đặt Huấn chính.

Khoản 8. — Về thời-kỳ Huấn-chính, chính phủ phải phái những ủy-viên đã được huấn-luyện và đủ tư-cách, về các « Huyện », giúp nhân dân gầy dựng nền tự trị. Phải điều-tra rõ ràng toàn số nhân dân và diện tích địa-thổ trong huyện, rồi khi nào sự trị an được ổn thỏa đường xá trong huyện đều chuẩn bị và nhân dân biết cách sử dụng bốn thứ quyền đã kể trên kia cùng là hiểu rõ nghĩa vụ của mình, rồi tuyên-thệ trung thành với chủ nghĩa cách mệnh, thì lúc bấy giờ sẽ được có quyền bầu cử huyện trưởng để giữ quyền tỉnh chính trong huyện, và bầu cử nghị-viên để giữ quyền lập pháp. Ấy thế là, huyện sẽ bắt đầu thành một huyện hoàn-toàn tự trị.

Khoản 9. — Trong một huyện hoàn-toàn tự trị thì nhân dân có quyền trực-tiếp bầu cử các quan viên, có quyền bãi bỏ quan viên, có quyền sáng-chế pháp-luật và có quyền phúc quyết pháp-luật.

Khoản 10. — Trong mỗi huyện, hễ thời-kỳ tự-trị bắt đầu thì phải định giá đất của tư-sản những tư gia trong huyện. Cứ chiếu theo giá của chủ đất khai, mà chính phủ địa phương thu thuế và đồng thời có thể mua lấy được. Từ lúc chủ đất đã khai giá rồi mà nếu như nhờ sự cải-lương của xã-hội mà giá đất tăng cao, thì số tiền thêm ấy sẽ là của chung của toàn dân trong huyện được hưởng, chủ đất không được lấy làm của riêng mình.

Khoản 11. — Tiền thuế đất hàng năm, tiền lời về giá đất tăng cao, tiền thu nhập về đất công cùng là các thuế lợi tức về sông núi, khoáng sản, đều là thuộc quyền sở lĩnh của chính-phủ địa phương. Các thứ thu nhập ấy sẽ dùng để mở mang kỹ nghệ trong sứ cùng là chi phí về công cuộc cứu tế như dục anh, dưỡng lão, tế bần, cứu tai, y-bệnh và các công cuộc ích lợi chung khác.

Khoản 12. — Nếu thu nhập của bản huyện không đủ mở mang công thương mà cần đến vốn ngoài thêm, thì chính-phủ trung ương sẽ trợ cấp, rồi tiền lãi sẽ chia đều về ngân quỹ chính phủ Trung-ương và chính phủ địa phương.

Khoản 13. — Vì các khoản chi phí của quốc gia, thì ngân quỹ các huyện đều phải đóng góp, theo một con số mà đại biểu quốc dân sẽ định hàng năm. Số ấy không được dưới 10 *l.* và trên 50 *l.* của số thu nhập của bản huyện.

Khoản 14. — Mỗi huyện, khi đã tới được trình độ tự trị và chính phủ tự trị của bản huyện đã thành lập xong, thì có quyền cử một người đại biểu, để lập thành quốc dân đại biểu hội, mà tham dự chính sự trung ương.

Khoản 15 — Phàm các quan viên muốn được tuyển cử (élire) hay được ký bổ (nommer) bất cứ ở ngạch quốc-gia hay ngạch địa phương, đều phải thi một kỳ thi của chính phủ trung ương thiết lập

Khoản 16. — Phàm toàn số các huyện trong một tỉnh đều tới trình độ tự trị, thì trong tỉnh ấy, thời kỳ Hiến chính đã có thể bắt đầu thi hành. Đại biểu các huyện có thể họp lại bầu tỉnh trưởng để giám đốc chính phủ tự-trị của bản tỉnh. Còn công việc việc hành chính trong bản tỉnh, mà thuộc về phạm vi quốc gia, thì tỉnh trưởng theo mệnh lệnh của chính phủ trung ương.

Khoản 17. — Trong thời kỳ này, quyền hạn của chính phủ trung ương và chính-phủ hàng tỉnh sẽ định theo tính chất của sự vụ. Sự vụ có tính chất quốc gia (quan hệ đến toàn quốc) thì sẽ thuộc quyền chính phủ trung ương; sự vụ có tính cách địa phương thì sẽ thuộc quyền chính phủ hàng tỉnh, Chính thể sẽ không thiên về sự tập quyền hay sự phân quyền.

Khoản 18. — *Huyện* sẽ coi là « đơn vị » hành chính (unité administrative) của sự tổ chức Trung quốc. *Tỉnh* tức là một cơ quan thông kết Huyện với Chính phủ Trung ương.

Khoản 19. — Trong thời kỳ Hiến chính, chính phủ Trung ương sẽ phải thiết lập Ngũ viện, để thực hành Ngũ quyền: Hành Chính Viện, Lập Pháp Viện, Tư Pháp Viện, Khảo thí Viện, và Giám Sát Viện.

Khoản 20. — Trong Hành chính viện sẽ đặt ra những Bộ sau này: Nội chính bộ, Ngoại giao bộ, Quân chính bộ, Tài chính bộ, Nông khoáng bộ, Công thương bộ, Giáo dục bộ, Giao thông bộ.

Khoản 21. — Trước khi Hiến pháp ban hành, thì các viên trưởng đều do quyền Tổng Thống phế lập và đốc xuất.

Khoản 22. — Thảo án Hiến pháp sẽ do Lập pháp viện nghị thảo, và phải căn cứ vào bản chương trình « Kiến quốc đại cương » và những kinh nghiệm và thành tích trong hai thời kỳ Quân chính và Huấn chính. Và ngoài ra, lại tùy thời thời đem thảo án ấy tuyên truyền ở dân chúng để tìm cách mà sửa chữa, và thi hành.

Khoản 23. — Nếu quá nửa số toàn tỉnh trong nước đã tới được hiến chính thời kỳ, thì Quốc dân Đại hội sẽ họp và quyết định Hiến pháp.

(Xem tiếp trang 14)

CHẾ-ĐỘ NGHIỆP-ĐOÀN Ở NƯỚC Ý

ĐỖ ĐỨC DỤC

MUỐN khảo cứu một chế-độ xã-hội người ta cần phải phân biệt cái pháp-qui chính-thức với cách động-tác thực hành của nó. Nếu chỉ dựa vào những đạo luật công bố lên để khảo-luận thường người ta dễ có những quan-niệm sai lầm vì sự vật vì người ta đã không tự hỏi những đạo luật kia đã được thi hành ra sao.

Chế-độ nghiệp-đoàn nước Ý cho chúng ta một thí dụ hiển-nhiên về điều đó. Tùy theo sự nghiên-cứu dựa vào lứa pháp-luật chính-thức hay vào cách vận dụng thực sự của nó ta sẽ thấy chế-độ kia hiện ra mỗi vẻ khác nhau.

∴

I. — Những đạo luật

Nếu ta nhìn bao quát toàn-thể những đạo luật ban-bố ra từ ngày đảng Phát-xít nắm được chính quyền ta sẽ thấy cái tư-tưởng nghiệp-đoàn mỗi ngày một thâm-nhập, một phổ-cập trong sự tổ chức kinh-tế và chính-trị của quốc-gia Ý.

Ta có thể chia ra làm ba thời-kỳ trong cái lịch sử đó.

1·) Thời-kỳ thứ nhất đại-để từ tháng Octobre 1922 *(ngày đảng Phát-xít tiến vào kinh thành Romè)* tới đầu năm 1934. *Thời-kỳ này có* tính cách công-đoàn *hơn là nghiệp-đoàn. Công-đoàn giữ địa-vị quan-trọng, nghiệp-đoàn chỉ có địa-vị hẹp-hòi, không đáng kể. Tuy nhiên ngay từ đó chế-độ mới đã hiện ra trong đạo luật ngày 3 avril 1926. Những công-đoàn tổ-chức theo đạo luật đó khác hẳn những công-đoàn có tính cách tự-do và số rất nhiều vẫn có ở nước Pháp hay ở nước Ý trước thời phát-xít. Thực vậy trong mỗi nghề chỉ một công-đoàn của chủ và một công-đoàn của thợ là được Chính-phủ Ý chứa nhận.*

Vẫn biết, những công-đoàn đó không có tính cách cưỡng bách: người chủ hay thợ có quyền không nhập vào đoàn được thừa nhận kia mà họ lại có thể lập những đoàn khác. Nhưng riêng chỉ đoàn được Chính-phủ thừa nhận là có quyền ký những hợp-đồng công-cộng, những hợp-đồng đó lại bó buộc không những cho hội-viên của đoàn mà cho tất cả chủ và thợ trong nghề không nhập đoàn mặc dầu. Thêm nữa, công đoàn được thừa nhận lại có quyền bắt tất cả những người này phải dự phần đóng góp. Những người cầm đầu của công đoàn chính thức phải do sự chọn lọc kỹ lưỡng và là những người chắc-chắn là trung thành với chính-thể. Sau hết, cũng đạo luật trên kia nghiêm cấm sự bãi công hoặc sự đình nghiệp (lockout) và khép những hành-động đó thành tội. Những việc tố-tụng giữa chủ và thợ thì sử ở những tòa án riêng trong có đại-biểu của hai bên, một vị quan tòa chuyên-nghiệp và nếu cần đến, những viên giám-định chuyên môn (experts techniques).

Xem như trên ta thấy những điều luật kia khéo trừ-tính để cho những công-đoàn mất hẳn óc giai-cấp, và đặt chính-trị lên trên kinh-tế trong tổ-chức cũng như trong hành-động..

2·) Với đạo luật ngày 5 Février 1934 *bắt đầu thời-kỳ thứ hai* hoàn-toàn nghiệp-đoàn. *Ngay từ năm 1926 trên giấy tờ đã có một Hội-nghị quốc-gia nghiệp-đoàn (Conseil National des Corporations). Tới năm 1930 người ta mới thi hành việc thiết lập Hội nghị, nhưng quyền hạn của nó hãy còn hẹp-hòi và chỉ là tư vấn. Và mãi năm 1934, người ta mới cố gắng lập ra những nghiệp đoàn thực sự. Tất cả có 22 đoàn chia làm ba loại:*

a) *loại* — canh nông kỹ-nghệ — thương-mại *gồm những hoạt-động gốc tự nghề nông; trong những hoạt-động đó, người ta tuần-tự theo từ người xuất-sản đến những người bán sỉ. Vào loại này cả thảy có tám nghiệp-đoàn: nghiệp-đoàn nghề dệt chẳng hạn,*

xuất-sản như đạ-kim (métallurgie), hóa-học, thủy-tinh, gốc nó không tự canh nông theo nghĩa hẹp. Ở loại này cũng có tám nghiệp-đoàn.

c) loại thứ ba (có tính cách tạp loại) ta có thể gọi là loại phục dịch gồm hết cả những nghiệp-đoàn về công-vụ (corpora tions de services publics), và có cả nào là ngân hàng, nghề tự-do, vận-tải, du-hí, cao-lâu, tửu-quán.

Trong mỗi đại-nghiệp đoàn, viên đoàn-trưởng, phải do thủ-tướng Ý (Duce) đề-cử: thường là một vị Thượng-thư hay một viên chức cao-cấp. Viên phó đoàn-trưởng bao giờ cũng phải là một đảng-viên, đảng có ba đại-biểu trong nghiệp-đoàn.

Đạo luật 1934 cho những cơ-quan tổ chức theo trên đây rất nhiều quyền-hạn: Nghiệp-đoàn có quyền ban hành những điều lệ bó-buộc, trong phạm-vi kinh-tế, để tổ-chức những liên-lạc công-đồng giữa các nhà xuất sản và để gìn-giữ kỷ-luật nghề-nghiệp. Những nghiệp đoàn có thể thỏa-thuận hiệp-ước với nhau; và lại được quyền chế-pháp về những điều-kiện mua bán và, một vài khi, định đoạt cả hóa-giá.

Nghiệp-đoàn trở nên quan trọng như thế nên những công-đoàn tự nhiên là bị trụt xuống « hạng nhì.» Người ta không muốn theo ý kiến của vài nhà luận-thuyết về nghiệp-đoàn như Ugo Spirito chẳng hạn, phế bỏ hẳn công-đoàn đi, nhưng người ta đã giảm bớt chức-vụ của những liên-hiệp công-đoàn và nhất là người ta muốn hạ công-đoàn xuống làm những đoàn thể sơ-cấp chỉ hoạt-động trong vòng địa-phương, được phép thảo-ký những hợp-đồng công-cộng mà phạm-vi thu hẹp cho riêng một miền.

c) 3) Sau hết, năm 1939, chúng ta bước vào thời-kỳ thứ bà và cuối cùng. Chính-sách nghiệp đoàn hình như lan từ địa-hạt kinh-tế sang địa-hạt hoàn-toàn chính-trị cùng với việc sáng-lập rà Hội-nghị Bộ tuyển và Nghiệp-đoàn (Chambre des Faisceau et des Corporations). Tháng Octobre 1938 Đại hội-nghị Phát-xít quyết-định bãi bỏ Thứ-dân nghị-viện và thay vào đấy một nghị-viện mới. Hội-nghị này có 682 nhân-viên chọn trong Hội-nghị quốc gia Bộ-tuyển (Conseil National des Faisceaux) và Hội-nghị quốc-gia nghiệp-đoàn (Conseil National des Corporations). Hội-viên không gọi là Thứ-dân nghị-viên mà gọi là « Quốc-gia cố vấn » (Conseillers Nationaux). Trong sự tổ-chức nghị-viện này điều lạ nhất là chỉ riêng những bản dự-án về luật có tính cách hiến-pháp hay thuộc về ngân-sách là đem thảo luận trước toàn ban. Còn những dự án về luật khác, nhất là luật về kinh-tế và xã-hội, thì chỉ do những tiểu ban thẩm-xét. Sau cuộc thảo-luận, đạo-luật được tiểu ban bỏ phiếu ưng-thuận sẽ đưa lên thủ-tướng, vị này sẽ quyết-định nên hay không dâng lên quốc-vương phê chuẩn. Nghị-viện mới này khai-mạc lần đầu vào ngày 3 Mars 1939, ngày kỷ-niệm nhị thập chu niên việc sáng lập những Bộ-tuyển.

Ta có nên đưa vào những pháp-luật trên đây mà kết luận rằng Ý-đại-lợi ngày nay đích thực ở dưới chế-độ nghiệp đoàn chính nghĩa hay không? Và sự tổ-chức kinh-tế, xã-hội, chính-trị của nước do có quả là phù hợp với chủ-nghĩa mà những nhà luận-thuyết về nghiệp-đoàn vẫn thường công-bố hay không?

Nếu ta nghe lời những nhà văn-hào Ý thì ta phải giả nhời rằng có. Là vì trong khoảng hơn mười năm gần đây một nền văn-chương phong-phú đã nảy nở ra để tán dương chủ nghĩa phát-xít. Các tác-phẩm đồng thanh chứng minh rằng chính-sách nghiệp-đoàn của Ý đã giải-quyết được những vấn-đề xã-hội một cách tân-kỳ. Chính-sách nghiệp-đoàn đã vượt được những nỗi khó-khăn và lấp được những lỗ hổng của chủ-nghĩa tự do và quốc quyền. Nó tránh được cả sự hỗn-loạn của chính-sách thứ nhất và sự độc-đoán của chính-sách thứ hai, và đảm-bảo được sự tự quản-trị những lợi hại về kinh-tế. Theo họ thì cuộc Cách-mệnh phát-xít hơn hẳn cuộc Cách-mệnh Pháp năm 1789 chính là ở chỗ phát-minh ra cái chân-lý nghiệp-đoàn. Và đã có những tác-giả đứng-đắn viết những thiên lịch sử về tư tưởng kinh tế lấy những ý-tưởng sau đây làm chủ-đích: những học-phái và những học-thuyết trước kia, từ thời Trung-cổ đến thế-kỷ thứ 19, chỉ là bắp bẹ và phác họa cái thuyết chân-chính độc nhất mà chủ-nghĩa phát-xít đã hoàn thành.

Muốn biết rõ sự thực ra thế nào tất nhiên ta không thể dựa vào những đạo luật ở trên hay những văn phẩm kia chỉ là những thiên tụng-từ không có tính-cách vô-tư mà phải cần xét xem đằng sau những luật đó, những văn phẩm đó, chính-sách nghiệp-đoàn Ý đã động tác ra sao. Nhưng đó thực là điều khó khăn vô cùng. Những tác-phẩm chuyên nghiên-cứu về vấn-đề này chỉ cho ta biết rất ít tiểu-tiết nghèo-nàn về bộ mặt thực của những nghiệp-đoàn. Ông Louis Rosenstock-Franck, có nhẽ là người Pháp biết tường tận hơn hết vấn-đề này, đã luận-giải đến trong một cuốn sách lớn, nhưng hơi cũ. Ông đang sửa soạn một cuốn khác mà những đoạn đầu ông đã trình bày trong một bài diễn-thuyết tại viện Trung-ương bách công Khảo-cứu kinh-tế học (Centre polytechnicien d'Études économiques) và trong một mục ở quyển sách đặc-biệt về nghiệp-đoàn do tòa Văn-khố Triết-lý Luật-pháp và Xã-hội pháp-luật học (Archives de philosophie du Droit et de Sociologie juridique) xuất bản. Một giáo-sư trường Đại-học Milan, Ông Sacerdoti, trong hai buổi diễn-thuyết tại trường Đại-học Paris, cũng cho ta biết ít điều đáng chú ý về những vấn-đề thảo-luận trong những nghiệp-đoàn. Nhưng đó cũng chỉ là những điều chỉ dẫn rời-rạc không đủ để nghiên-

Quốc-gia Học-viện sưu tầm được trong những cuộc trao-đổi về văn-hóa với ngoại-quốc, người ta đã biết được khá về nền kinh-tế của Ý. Nhưng trong tài-liệu đó người ta chỉ nói nhiều đến vấn-đề kinh-tế tự trị. Điều này rất có ý nghĩa vì nó cũng thuận hợp với lời tuyên bố của vị Nghiệp đoàn tổng-trưởng, ông Lantini, giữa Tổng Liên-đoàn các nhà kỹ-nghệ Ý, ngày 23 Septembre 1936: «Mục-đích căn-bản của những nghiệp-đoàn, là nền kinh-tế tự-trị của quốc-gia.»

Đại-để ta có thể suy ra được rằng giữa lý-thuyết nghiệp-đoàn với sự thực ở Ý có một vực thẳm. Chủ nghĩa nghiệp-đoàn vẫn tự cho là tương phản với chủ-nghĩa quốc quyền. Thế mà ở nước Ý ngày nay, Chính-phủ can-thiệp định đoạt cho hầu hết nền kinh tế quốc-gia. Còn những nghiệp-đoàn chỉ là một cách khôn khéo nhã-nhặn để che đậy sự xâm-phạm kia. Nói cho công-bằng thì những người khởi xướng lên chính-sách nghiệp-đoàn thực ra không có ý muốn như vậy, mà chính là ảnh hưởng của những việc sảy ra bên ngoài địa-hạt kinh-tế đã đưa đến chỗ đó. Về quan-điểm này cuộc chiến-tranh Ý-Á đã đóng một phần trọng yếu vì nó là nguyên-nhân những hình phạt về kinh-tế do hội Quốc-liên đặt ra để trừng-trị Ý và lại chính những hình phạt kia đã gây nên phong-trào tán thành chính-sách kinh-tế tự trị. Nhưng dầu sao người ta cũng không thể hoàn toàn vin lấy những cớ bên ngoài đó để chứng giải cái khuynh-hướng quốc-quyền rất mạnh ở nền kinh-tế Ý là vì ngay từ thủa ban đầu, ở thời-kỳ công-đoàn nói trên kia, người ta đã nhận thấy cái ý muốn của nhà cầm quyền phụ thuộc kinh-tế vào chính-trị, công-đoàn vào chính đảng, và những mối tư-lợi vào mối lợi của quốc-gia.

Tuy nhiên như thế không phải là chính-sách nghiệp-đoàn không giữ một nhiệm-vụ thiết thực trong cuộc sinh-hoạt kinh-tế của nước Ý hiện thời. Những nghiệp-đoàn giúp cho nhà cầm quyền hai việc quan-trọng:

1·) Những cơ-quan đó truyền bá những mệnh-lệnh của Chính-phủ đi khắp mọi tầng của bộ máy kinh-tế và giám thị, kiểm-soát sự thi-hành triệt để những hiệu lệnh kia.

2·) Nhờ những điều chỉ dẫn về thống kê của các hội-viên mà đoàn tập-trung lại được, và cũng nhờ những cuộc trao đổi ý-kiến giữa các tiểu-ban và các hội-nghị, những nghiệp-đoàn sưu-tầm được cho Chính-phủ một mớ tài-liệu quý giá. Nhưng, như ta thấy, những chức-vụ kia, tuy không phải nhỏ, vẫn chỉ là phụ thuộc. Các nghiệp-đoàn lại tham dự vào việc sửa soạn và việc thừa-hành những đạo nghị-định ban-bố ra. Chính những quyết-nghị này cũng vẫn chỉ là do quyền lực chính-phủ tạo nên. Cuộc vận-động kinh-tế tự-trị ngày nay chứng tỏ rằng những nghị-định kia gốc ở những mối quan-tâm có tính cách quốc-gia hơn là nghề-nghiệp, chính-trị hơn là kinh-tế.

* * *

Bây giờ ta kết-luận ra sao trước những việc mà không ai chối cãi được kia?

Những người Pháp tán-thành chính-sách nghiệp-đoàn — nhất là những đảng-viên của phái xã hội gia-tô — nhất thiết kết-án chế-độ thi-hành ở Ý, và cho rằng đó chỉ là bức mạn-họa (caricature) của chính-sách nghiệp-đoàn chân-chính. Họ cực-lực bài-xích chính-sách Nghiệp-đoàn Quốc-gia (Corporatisme d'État) và đối lại bằng chính-sách nghiệp-đoàn tư-hội (Corporatisme d'association) mà cách tổ-chức và sự vận-dụng tự-lập đối với chính quyền.

Về phía những người Pháp phản đối chính-sách nghiệp-đoàn, họ tin rằng nếu tất cả những nước lớn đã thực hành chế-độ nghiệp-đoàn từ mấy năm gần đây lại cũng là mấy nước ở dưới chính-thể độc tài, sự đó không phải là ngẫu-nhiên mà nên. Họ cho rằng chính sách nghiệp-đoàn tự-trị không bao lâu sẽ đưa đến sự hỗn-loạn, và một nền kinh-tế tổ-chức theo phương-pháp nghiệp-đoàn muốn được bền vững, lâu dài, cần phải đi đôi với một chính-phủ rất mạnh để chỉ huy và hướng dẫn sự xuất-sản tới những cứu-cánh riêng của quốc-gia.

Kết cục, ở Pháp, mọi người đều đồng thanh công nhận rằng sự thực-hành chính-sách nghiệp-đoàn ở Ý không phải là một khuôn mẫu thích đáng để nói theo.

SẼ XUẤT BẢN:

LA SƠN PHU TỬ

của HOÀNG-XUÂN HÃN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

ĐƯƠNG IN:

CỔ HỌC TINH HOA

Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC
và Tĩnh-Trai TRẦN-LÊ-NHÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

BẢNG TÓM LƯỢC CÁCH TỔ CHỨC NGHỀ-NGHIỆP Ở Ý (1)

TỔNG-TRƯỞNG NGHIỆP-ĐOÀN

HỘI-NGHỊ QUỐC-GIA NGHIỆP-ĐOÀN

- 5 tiểu ban,
- những ủy ban chuyên môn thường trực
- một đại hội-đồng,
- một ủy-ban nghiệp-đoàn trung ương.

TỔ-CHỨC CÔNG ĐOÀN

4 tổng liên-đoàn công nhân	4 tổng liên-đoàn chủ nhân	1 tổng liên-đoàn nghề tự do và mỹ thuật	1 quốc gia phát-xít Hợp tác viện
99 liên-đoàn công nhân	42 liên-đoàn chủ nhân	22 công đoàn quốc gia	8 liên-đoàn hợp-tác
hợp-đồng công cộng toàn quốc			Mỗi liên-đoàn cử đại-biểu vào nghiệp đoàn
Liên hiệp địa phương công nhân	Liên hiệp địa phương chủ nhân	công-đoàn địa phương	
Liên hiệp hãng tỉnh công nhân	Liên hiệp hãng tỉnh chủ nhân		
công đoàn công nhân	công đoàn chủ nhân		
hợp-đồng công cộng địa phương			
tổ-chức của công nhân	tổ-chức của chủ nhân		

TỔ-CHỨC NGHIỆP ĐOÀN

- 22 nghiệp-đoàn :
- 8 nghiệp-đoàn loại canh-nông, kỹ nghệ và thương-mại.
- 8 nghiệp đoàn loại kỹ nghệ và thương mại.
- 6 nghiệp-đoàn loại phục-dịch.

CHÚ-Ý

Mỗi tổng liên đoàn và liên-đoàn ở trên có 3 cơ-quan chỉ huy: một hội-nghị, một ủy-ban thừa hành và một đoàn trưởng.

Mỗi nghiệp đoàn ở trên có một hội nghị và một đoàn trưởng chính là viên Tổng-trưởng Nghiệp-đoàn.

Trong mỗi nghiệp-đoàn lại có thể chia thành khu-vực riêng cho mỗi loại nghề nhất định. Giữa những nghiệp-đoàn khác nhau có thể thành lập những ủy-ban nghiệp-đoàn chung cho một sự phân nhất định.

Tổ chức nghiệp-đoàn đại-khái chỉ huy và kiểm-soát sự hoạt-động của tổ chức công đoàn. Nghiệp-đoàn lại cốt để phụng-sự cho tổ-quốc gia.

(1) Rut trong tác-phẩm nhan đề là «L'Organisation des Rapports économiques et sociaux dans les pays à régime corporatif» của Poland Pre

ĐỌC THAN

HƯỚNG MINH

MỘT ngày tháng một.

Mưa dầm dề đã mấy hôm liền. Những hạt mưa bay lất phất, cả ngày, dai dẳng, nhẹ như bụi mà thấm-thía vô cùng. Trời lúc nào cũng thấp và nhợt màu trắng đục. Cây trơ những cành khẳng-khiu, đen bẩn; phố-xá bày những tường nhà ủng-sũng, màu vôi vàng khè hay xám sịt, với những mảng rêu loang-lổ. Đường nhựa bóng loáng và bờ hè nhớp nháp, ngổn-ngang những cành lá mục, làm cho ngại bước chân đi. Tất cả đều ướt-át: trời ướt, đất ướt, không khí ướt và tâm hồn cũng ướt. Cảnh buồn như những ngày cuối cùng của thế-giới loài người.

Thật là tai-hại cho những kẻ kéo dài đời độc thân như Tuyên! Anh ta đi lại hằn học như con vật bị rốt trong căn gác nhỏ mà anh thuê ở một mình. Mỗi lần qua tấm gương lớn treo trên lò sưởi, anh lại nhìn bóng mình trong ấy. Bóng một người dài, mà cái *robe de chambre* (1) mặc gần chấm gót càng làm cho dài thêm ra.

Xưa nay Tuyên vẫn thầm tự-hào vì cái áo ấy, may bằng vải dạ dày màn giọ xám, kẻ ô, với các đường viền và giây thắt xanh chàm. Những màu, nghiêm-nghị gần như khổ-hạnh đó, tỏ ở chủ-nhân một ý khiêm-tốn kín đáo, như muốn xóa mình đi cho khỏi ai để ý. Nó hợp với khung-cảnh nơi Tuyên ở, với cái tủ sách gỗ lát màu cồ-kính và cái bàn giấy đen lúc nào cũng bộn bề, bạn cố-kết của đời sống trong yên tĩnh. Tuyên dùng áo ấy để làm việc, và đối với nó anh có một kiêu-hãnh hơi kiểu hay cách, như nhà luật-sư hay y-sĩ với áo riêng của họ. Mặc nó vào, anh tưởng mình cũng là một Diderot để yêu nó với cái tình(-)cảm-động của nhà văn-hào. Song anh không bắt chước công, quệt ngòi bút vào ống tay mỗi khi mực quện, vì áo anh còn mới, anh muốn giữ-gìn. Và anh còn một ý đồm dàng nữa, là coi cái vẻ lòa-xòa của nó, với hai đầu giải lưng buông thõng, vung vẩy bên sườn những lúc anh đi bách bộ, như dáng thướt tha của xiêm áo nàng tiên khi múa hát khúc Nghê-thường. Vậy mà có những bạn không hiểu lễ nhạc là gì, lại dám đem áo của anh ra chế nhạo. Họ gọi anh là « thầy sãi » hay « thầy pháp buồn »! Nhưng Tuyên chỉ cười mà không giận. Anh tự nhủ: nếu có là thầy tu, thì anh ưng thuộc vào giòng thánh Benoît, theo gót những thầy học thức uyên thâm, đã để lại cho đời bao nhiêu sáng tác tinh thần cao quý về văn-chương và khoa-học.

Nhưng đó chỉ là một ý anh nghĩ mà chơi như một thứ xa xỉ phẩm, một bông hoa đẹp trong những lúc nhàn. Anh không có tính tự phụ. Ước vọng của anh nhũn nhặn hơn nhiều, cũng như địa vị của anh, làm thư ký ở một viện bảo tàng. Chức-nghiệp ấy thực không đáng kể. Nó chỉ tốt ở chỗ kiếm cho anh mỗi tháng một số lượng đủ sống, với ít tiền mua sách. Còn việc mà anh thích, và làm cặm cụi trong những giờ không phải bán cho sinh kế, là viết sử. Cũng như Fontanet của A. France hồi đi học, Tuyên đã mơ tưởng viết một bộ sử Việt nam đầy đủ hơn cả những bộ đã có. Song nhũn hơn Fontanet, anh chỉ dự định bộ sách của anh có 25 quyển. Nhưng khi ra đời, sự mưu sinh bó buộc và bao nhiêu cái khó khăn của kẻ làm việc một mình, thiếu tài liệu, đã khiến anh bỏ mộng lớn lao xưa. Bây giờ anh chỉ còn hoài bão viết mươi quyển nhỏ, về một thời đại hay một nhân vật nào thôi. Anh làm việc cả ngày đêm, hì hục soạn rồi chữa chữa rồi bỏ, bỏ rồi lại lấy, băn khoăn, khổ sở vì một cái tên hay một niên hiệu, mà có khi xong việc ở nhà Bảo tàng anh những cả ăn để vào thư viện hay trường Bác cổ tra cứu cho ra. Một quyển sách, dễ là *Cái âu Lê-Tác*, và ít bài khảo luận của anh đăng ở vài tạp chí, đã đem cho anh chút tiếng tăm. Phấn khởi vì những thành công đầu ấy, anh càng để hết tinh thần và mê mải vào công việc, nên không có lúc nào rảnh tâm nghĩ đến cái trống trải của đời anh.

Đã ba mươi tuổi mà anh chưa lo lấy vợ. Bao nhiêu tin đi mối lại, bao nhiêu lần xem mặt chính thức hay không những cô con gái nhà nền nếp, có cô giàu và có cô xinh, anh chỉ coi như chuyện đùa, để làm vừa ý những người thân thúc giục. Lần nào

(1) Kiểu mặc áo trong phòng riêng.

anh cũng tìm được một cớ chính đáng để dẹp yên lòng sốt sắng của họ : cô này xem chừng khó bảo cô ấy không thạo việc tề gia, rồi thế nọ, rồi thế kia. Sự thực, anh không biết gì về các cô đó hết, và trong lòng anh cũng không có ý chê bai cô nào. Những lẽ của anh chỉ là kế « hoãn binh », để được sống thêm ít ngày thanh thản của đời trai trẻ. Tủ sách của anh, việc làm của anh, đủ cho anh tất cả. Anh không cần gì hơn nữa.

Nhưng ít lâu nay, có lắm hôm anh cũng thấy buồn. Những đổi thay của thời tiết, trước kia anh để ý đến đâu, bây giờ cũng ảnh hưởng tới lòng anh. Rồi những cơn gió heo may, những đêm sáng trăng và những ráng mây chiều, thường bắt gặp được anh vơ vẩn. Và mùa thu của nhớ thương cũng không còn thấy anh hững hờ vùi đầu vào sách vở. Đã có những lúc anh tựa bao lơn, nhìn theo từng chiếc lá vàng quay tít trong gió nhẹ, rồi xuống nằm lặng lẽ bên những lá khác rải trên đường. Cảnh ấy gợi ở lòng anh một cái gì nao nức và hoang mang, nhẹ mà khó chịu như một khát khao, một ham muốn không toại mãn. Anh ra vào như người đánh mất cái gì. Sách vở không mang thư thái lại cho anh nữa. Tâm trí anh trốn ra ngoài trang giấy, và đi theo bóng một cái áo xanh hay hoàng yến vừa trông thấy dưới đường.

Nhất là những hôm mưa gió như hôm nay, Tuyên không thấy mình còn can đảm làm gì được nữa. Trời đất và mọi vật đều âu sầu như đi đưa đám nghị-lực của anh. Một tiếng ở đâu thì thầm : « Ồ, lạnh nhỉ? Cái gác này thế mà rộng! Nằm mãi mỏi cả lưng! Giá bây giờ có người đàn bà ở đây, đi ra đi vào, nói dăm ba câu, nghe nó cũng ấm áp hơn. Cái giọng đàn bà thật lạ! Uốn éo, nhè nhẹ, thanh thanh. Họ nói những câu chẳng ra gì, thế mà hay đáo để! »

— Tuyên không muốn nghe hơn nữa vùng dạy ra mở tủ sách, định chọn một quyển. Nhưng những hàng sách quay lưng lại anh, buồn rầu phô những chữ vàng nhạt nhẽo trên nền da cũ, như cũng ngán ngẩm sự đời. À, làm gì bây giờ ? Thế này thì bực thật !

Tuyên cũng không biết mình bực cái gì. Nhưng tất cả đều vô vị : bàn, ghế, tủ, tường vôi, của kính, tranh ảnh và sách vở, tất cả, cả cái áo « thày sãi » lụng thụng của anh ! Ừ, sao anh lại ưa được cái màu xám chết ấy ? Thật là vô lý !

Những lúc ấy, nhìn mặt mình trong gương Tuyên đâm ghét cả mình. Cái mặt vô duyên, trông buồn rười rượi. Trán phẳng lì, và đôi mắt to để nát ai ? Anh ngờ vực cả óc thông minh của anh và cũng không tin tưởng gì nữa hết. Nhìn tập bản thảo viết dở, anh khẽ nhún vai : « Để dọa ai ? Tưởng văn-chương học vấn của mình ích-lợi cho đời, thì thật dở hết sức ! »

Buổi tối một anh bạn đến chơi. Anh này cũng chưa vợ, cũng sống một mình như Tuyên. Đây là những lời thứ nhất của anh ta :

—Buồn quá anh ạ. Tôi không chịu được cái trống rỗng của nhà tôi nữa. Cả buổi chiều nay tôi đi chơi. Anh có biết tôi đi đâu không ? Hai tay thọc túi áo tơi, tôi đi dong phố này sang phố khác, ngửa mặt hứng mưa bay. Hút không biết bao nhiêu là điếu thuốc lá. Rồi ra ga. Đón những người từ phương. Tiễn những người không quen biết. Chỉ có một mặt hoa nào làm cho mình hứng lòng. Đến lúc đèn phố bật, tôi mới ngã vào một hiệu ăn. Rồi đến đây. Tôi không dám về nhà tôi, sợ thấy cái rộng rãi bao la của nó.

Giọng ai điếu của ông khách có cái đầu hù xù ấy, thật không đem phấn khởi lại cho Tuyên một chút nào. Anh lặng thinh không đáp. Lối than vãn của anh chàng ưa lấy kiểu cách một thi sĩ rẻ tiền này, Tuyên nghe chán lắm rồi ! Và bộ mặt hắn, bi bi tẻ ngắt, Tuyên trông kể cũng đã nhiều lần quá ! Anh bỗng thấy ghét hắn lạ ! Anh muốn cho hắn cút đi. Giá trong sự giao thiệp người ta thấy nỡ được tính nhau từng lúc, thì ổn biết bao !

Nhưng anh kia không hiểu. Anh cứ ngồi lì đấy và bắt đầu kể lể những tâm sự vụn vặt của mình. Anh ta sắp lấy vợ. Anh lo không biết người vị hôn thê có hợp với anh không.

—Mẹ tôi muốn tôi lấy thì tôi lấy. Từ chối mãi, bao đám không xong, bà cụ phiền lòng. Hôm nọ bà cụ gọi tôi về xem mặt. Trông cô ấy cũng thường, không xấu, không đẹp. Được cái là con nhà nho, hợp ý bà cụ lắm. Còn tính nết cô ta, tôi không biết. Anh bảo đi xem mặt thì biết quái gì? Họ ra pha nước, đi lại cho mình trông thấy cái mắt, cái mũi, cái miệng, cái tai, cái dáng điệu con người, rồi họ thụt vào. Đối với mình, họ không kém xa lạ. Họ vẫn là một sự bí mật, như mình là cả một thế giới mà họ không hiểu tí gì... Thôi lấy cho xong ! Bọn mình nào có phải là khó tính ! Anh cũng như tôi, chúng mình chỉ đợi một người ý hợp, tự mình khám phá được, rồi yêu, rồi lấy, Một « tâm hồn em » (hay chị thì cũng vậy) hiểu chúng mình, để làm người bạn cũng như làm người vợ, có phải thế không ? Nhưng bao nhiêu mối manh có dẫn người ấy lại cho chúng mình đâu ! Thành ra thiên hạ bảo mình kén vợ, kén sắc, kén tài. Nào biết đâu mình chỉ ước ao có một trái tim ! Thì đã thế, bây giờ đến lúc phải lấy một người *làm vợ*, phỏng có cần gì ? Lấy mà ai-chả được !...

Anh ta còn nói nữa và nói nữa. Tuyên chỉ là người chịu chuyện, ngồi trơ ra đấy, thỉnh thoảng đáp một hai câu cho khỏi thành khiếm-nhã. Khi anh nọ về, Tuyên đóng cửa lại, ngồi nghĩ-ngợi.

Dù sao câu chuyện của hắn cũng gợi cho Tuyên nhiều ý-tưởng. Bây giờ hắn đi rồi, anh lại thương

hại hắn. Kể ra, anh không đáng có những ý nghiệt ngã đối với hắn như ban nãy. Xưa nay hắn thường có những tư tưởng giống anh, nhất là về chuyện lấy vợ. Tuyên giở ra xem lại mấy trang bút-ký anh đã viết về vấn đề ấy. Có một đoạn rằng:

« Lấy vợ, một việc phiền-phức, tốn thì giờ.

« Đi lại, Mối manh, Sêu tết, Giạm hỏi, Thách thức.

« Dàn xếp. Lo liệu. Cưới xin. Tiệc tùng. Nghi lễ, V. v.

« Rồi lấy xong : Sô sát. Giận hờn, Chịu dựng.

« Nghĩ đến số giờ mất, số giờ chết, mà rùng mình. »

Ừ, đành rằng thế, nhưng tránh làm sao khỏi ? Anh không thể độc-thân mãi được. Anh là con một, ai để cho anh bỏ việc « nối giõi tông đường » ? Anh lớn tuổi rồi. Vả lại chính anh cũng đã cảm thấy thiếu thốn. Vậy thì lấy vợ đi ! Ai bảo lấy vợ không viết sách được ? Từ xưa nay, những nhà văn, những nhà học giả, dễ cũng độc thân hết cả ! Trái lại lấy vợ nó sẽ yên ổn trong lòng. Không khoái khoắc gì nữa, thì sẽ bình thản mà làm việc. Không có những phút « dã-man », hắc ám như hôm nay.

Tuyên nghĩ đến cô Sinh, người con gái cuối cùng mà người ta đánh tiếng với chị anh. Anh cũng đã xem mặt, lần về chơi nhà, hai tháng trước. « Không xấu, không đẹp », như lời của anh bạn lúc nãy. Hai mươi bốn tuổi. Con nhà nền nếp—lẽ cố nhiên ! và rất giỏi buôn hàng tơ lụa. Cái nghề ấy « vừa sạch sẽ vừa ăn to, nghề của các bà », chị Tuyên bảo vậy. Khi chị dỗ-dành Tuyên hỏi cô Sinh, anh chỉ cười và chế nhạo : « Lấy cô ấy về, em sẽ luôn luôn được nghe những lời ân yếm thế này : « Cậu ơi, cậu tính xem đống the La-Cả giá bao nhiêu ? — Cậu ơi, cậu đã đếm hộ chỗ tơ Tú-xuyên có mấy bó chưa ? » Em sẽ làm thư ký cho vợ, thú ra phết ! »

Nhưng bây giờ không nên đùa nữa. Phải nghĩ đứng đắn đến việc lập gia đình. Thầy mẹ Tuyên mất rồi, chỉ có anh định đoạt lấy đời anh. « Tam thập nhi lập », kể cũng đã đáng lúc cho anh để tâm cái đó. Mà đến tuổi ấy, không ai còn đợi yêu đương như một cậu học trò. Làm gì có người lý-tưởng, với tâm hồn chị hay em ! Lãng mạn ngày thơ qua ! Ba mươi tuổi, người ta tính chuyện hôn-nhân vì lẽ phải, tìm người biết thu vén cửa nhà, lo toan công việc, chứ cái ngữ môi son quả trám, õng ẹo « cô nàng », rước về làm gì ! Cô Sinh, Cô Sinh... Người ấy hẳn không phải là người ăn chơi !.. Đảm đang... Nội trợ... Kể làm vợ, có lẽ không ai hơn cô ta. Buôn tơ lụa thì đã sao chưa ? Đàn bà có nghề, càng khỏi thà la đôi mách. Không kể đó là cái hồi môn quý giá hơn hết thảy. Cô ấy sẽ đỡ Tuyên tất cả gánh nặng lo chuyện tiền tài. Anh chỉ việc ung dung đi làm và viết lách, thật nhẹ cái thân ! Song có điều rằng cô ta sẽ chẳng hiểu văn-chương khảo cứu là gì. Ấy nhưng thà vậy, còn hơn là bập bẹ xằng, ra dáng ta đây hiểu biết, dễm không chịu được ! Ai việc nấy, không phá quấy nhau như thế mới hay ! Ừ, thôi lấy quách cô Sinh !

Tuyên gật đầu, khoái ý vì đã giải quyết xong một vấn đề có óc. Lấy giấy bút, anh trịnh trọng viết một bức thư về cho chị.

* *

Gió lật tung màn làm Tuyên thức dạy. Anh thấy cả người anh dãn ra, dễ chịu, hai mắt nhẹ như không. Anh đã ngủ một giấc ngon.

Tiếng lách cách của những dóng trúc xô nhau ở bức rèm cửa khiến anh tỉnh hẳn. Đồng hồ nhà thờ gần đấy cũng vừa điểm ba tiếng dìu dặc, choang vang. Tuyên ngồi nhổm dạy, vì biết có nằm gan cũng không ngủ lại được. Anh khoác áo dài, bật đèn rồi châm một điếu thuốc ra đứng bao lơn. Anh hút mấy hơi liền. Khói thuốc đậm đà, thơm ngát, sao mà ngon thế ! Anh để cho cái say nhẹ nhàng, tơ mơ, lan rộng trong người, và cái êm ả của đêm khuya thấm nhập lòng anh.

Bốn bề lặng lẽ. Tuy nhiên vẫn có những tiếng xôn xao Tuyên lắng nghe xem thấy những gì.

Tiếng rào rạt của gió chạy qua các ngọn cây, đùa với lá trong bóng tối.

Tiếng côn trùng không biết ở xó nào, khi gần, khi xa, kêu đi đi, đều như nước chảy, rồi có lúc đội lên một tiếng « dứt », để bặt đi cho những tiếng khác rên rỉ tiếp theo.

Tiếng đồng hồ trong nhà, trở nên trầm mồn-một, chậm chạp, nhẫn nại, mỗi tích tắc như đẩy một giây của thì giờ cho lăn vào hoang tịch.

Rồi tiếng thạch thùng chặc lưỡi tiếc gì ? Tiếng chó nhà ai sủa mạ ủ ôi ? Một chiếc xe bò qua. À khó chịu ! Những bánh gỗ khậm khoạc từ xa, rồi đến gần kêu rức ộc, chọc thủng tai và tĩnh mịch đêm khuya. Đó là tiếng đặc biệt của đêm Hanoi nó nhắc đến cuộc đời vất vả của người lao động.

Nhưng lạ ! Sao lại có tiếng ếch - nhái và chão - chuộc ở đâu ? Chúng nhao nhao lên ở xa, rồi im đi từng lúc. Nếu không có những chao đèn điện rung-rinh trước gió, thỉnh thoảng hắt ánh sáng gay-gắt lên mắt anh, thì Tuyên đã tưởng mình đang ở nơi thôn dã. Ánh chợt nghĩ đến và thèm cuộc đời êm lặng bên gốc dạ hương của nhà anh. Hôm nào anh lại phải về thăm quê mới được.

Một cơn gió tạt qua mặt anh và ùa vào phòng làm cho cái rèm trúc lại một hồi kêu lắc cắc. Êm ái lạ ! Tuyên hút mạnh, như muốn dồn hết thanh khí vào trong ngực.

Gió thổi. Mưa tạnh và đường quang. Trong lá cây, trăng hạ huyền e-lệ giấu một nửa vành vàng nhạt.

Gió thổi, làm tan những hơi ẩm ướt ban chiều và quét cả mọi cái nặng nề u ám.

Gió thổi, rì rào như hồn của đêm và cỏ cây thầu thì trao ý thắm. Và gió luồn qua kẽ tóc, ve vuốt làn da, thấm vào thớ thịt. *(xem tiếp trang 18)*

XÃ-HỘI VIỆT-NAM
TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch

VII. — Samuel Baron

Description du Royaume de Tonquin

CHƯƠNG THỨ HAI

Vị trí và diện tích xứ Đông Kinh

Vị trí. . . .

Khí hậu.

Diện tích.

Quần-đảo. . . .

Thổ ngơi. . . .

Đô thị. Ngoài Kẻ Chợ ra thì xứ Đông Kinh không có quá hai ba thành thị khá quan trọng. Còn thôn xã thì nhiều vô kể, tôi không biết chắc là bao nhiêu vì không để tâm nghiên cứu vì muốn biết được xác thực cũng không phải là chuyện dễ dàng gì.

Kinh Kỳ. — Kẻ Chợ là kinh đô xứ Đông Kinh. Ở ngang 21 độ thuộc Bắc-vĩ tuyến, cách bể bốn mươi dặm; về diện tích có thể so sánh với nhiều đô thị Á châu; về dân số có phần hơn nhiều đô thị ấy nhất là vào những hôm rằm, mồng một là những ngày phiên chợ, có các dân sự các làng lân cận mang đến bán một số hàng nhiều quá sức tưởng tượng. Nhiều phố xá rất rộng; thế mà vào những ngày phiên chợ, kẻ mua người bán ngồi chật đường, mình có lẹn trong đám đông thì may lắm nửa giờ tiến được độ trăm bước. Hàng bán mỗi thứ riêng một phố và mỗi phố lại thuộc vào một hay nhiều làng chỉ có dân làng mới được phép mở cửa hàng ban thôi tựa như các hội buôn hoặc các phường công nghệ các tỉnh thành bên Âu châu ta.

Cung điện vua, phủ chúa, cùng các ông hoàng, bà chúa, các pháp viện đền đựng cả ở đây. Cung điện nào cũng làm trên một khoảng đất rộng nhưng dáng dấp rất thường vì toàn bằng gỗ. Còn nhà cửa của dân gian thì bằng tre, bằng phên ken vụng; có ít nhà gạch, ấy là nhữn thương quán của khách buôn ngoại quốc. Làm ta kinh ngạc có ba lần tường của kinh thành cũ và của cung vua; tuy đổ nát nhưng những tường thành ấy còn tỏ cho ta hay rằng nã được xây rất kiên cố, và có những cửa thành đẹp, lớn, dưới có lát đá vân; cung điện chu vi đo được chừng sáu, bảy dặm, có cửa, có sân, có cung viện trước kia rực rỡ nguy nga lắm. Trong thành có doanh trại của một toán quân nhiều ghê gớm lúc nào cũng sẵn sàng; xưởng đúc súng ở trên bờ sông gần một hòn đảo là chỗ tế kỳ đao như tôi sẽ giảng tất bữa. Sông đây là Sông cái, phát nguyên tự Trung Quốc dài mấy trăm dặm và chảy ra vịnh Hải-nam do mấy cửa; cửa nào cũng để tàu nhỏ ra vào được.

Sông cái rất thuận tiện cho Kinh thành; tất cả các hàng hóa, người ta chuyên trở đến đây bằng thuyền bè đi lại khắp trong xứ, là bằng chứng của sự hoạt động của toàn quốc. Các thương nhân có nhà cửa ngay tại làng mình và không sống trên thuyền (như ông Tavernier đã thuật) trừ khi họ phải đi xa.

CHƯƠNG THỨ BA

Các thổ sản của xứ Đông Kinh.

Trái cây. — Cam: Dừa: cùi bùi; bên Xiêm; dầu dừa thắp đèn; nước ngọt. Ổi chín hay xanh đều làm sặn ruột, gây bệnh tào. Đu đủ. Cam. Hồng. Chuối. Cây đa.

Vải: vị ngọt, dáng đẹp; nhưng mùa vải không quá bốn mươi ngày: vào khoảng tháng tư dương lịch. Lúc vải sắp chín, chúa Trịnh sai đóng dấu lên trên những cây vải ngon nhất trong xứ, của ai cũng mặc: chủ cây phải giữ và không được coi như của riêng của mình nữa, phải canh gác để khỏi có kẻ bẻ trộm mà không được nhà nước giả cửa và đền công.

Nhãn: làm long nhãn; người Đông Kinh cho là nóng và độc. Na. mận. Mít: mít dai ngon hơn mít mật.

Chuột. Tổ yến. Ba ba.

Dừa. Chanh.

Tơ. Xứ Đông Kinh sản xuất được nhiều và người nghèo kẻ giàu đều may quần áo lụa mặc, giá cũng rẻ như những hàng trúc bâu ngoại quốc.

Hoa. Về hoa thơm, tuy không chuyên giồng hoa, tôi cũng biết được hơn hai thứ. Nhưng tôi không ngửi thấy mùi thứ hoa mà họ gọi là « la bagne ». Có một thứ hoa hồng: cánh trắng và đỏ thẫm; một thứ nữa cánh trắng và vàng mọc thành bụi

không có gai nhưng cũng không có hương thơm cây ông lão. Có thứ hoa tròn như các nụ giống như hòa (câpre) cây ông lão của ta nhưng nhỏ hơn; thơm ngang tất cả các thứ hoa tôi biết và mười lăm ngày sau khi hái vẫn còn được hương. Các ba quan dùng để ướp thơm quần áo. Lan ở đây cũng có, nhỏ hơn lan Âu châu, cây hơi cao, hoa trắng, hương thơm nhưng ngát quá.

Hoa nhài, trắng như tuyết, cây nhỏ. Bên Ba tư nhài nhiều lắm nên người ta chở hàng-tầu đầy nước hoa ấ

Mía. — Súc vật: hổ; hươu; khỉ; bò; ngựa; voi; chó, mèo; chim chóc; muỗi; mối trắng; trứng gà, trứng vịt.

CHƯƠNG THỨ IV

Thương mại và tiền tệ

CHƯƠNG THỨ V

Binh lực

CHƯƠNG THỨ VI

Phong tục

...Người Đông Kinh trước kia rất chuộng ngoại hóa nhưng bây giờ chỉ mua vài đồ vật Nhật-bản bằng vàng và bạc cũng ít hàng vải khổ rộng ở Âu châu buôn lại... Họ không đi bít tất và giầy, trừ những văn nhân và các ông tiến sĩ (lệ này bây giờ bớt ngặt rồi). Đời sống của dân chúng khổ sở lắm: Sưu thuế đã nặng, việc quan lại vất vả. Tráng đinh từ mười tám, có tỉnh hai mươi tuổi đã phải đóng sưu từ 3 đến 7 dollars một năm tùy theo tình cảnh mình và do chỗ đất mình ở có phì nhiên hay không. Sưu đóng một năm làm hai lần: vào vụ gặt tháng tư và tháng mười. Được miễn sưu: các quốc thích, những người hầu cận vua; các quan chức văn võ, các văn nhân từ sinh đồ trở lên; binh lính cùng ít người được miễn tự ý chúa hoặc mất tiền xin. Sự miễn sưu chỉ riêng cho đời mình thôi nhưng con cháu mất ít tiền cũng vẫn xin được dễ dàng.

Các thương gia buôn bán ở tỉnh nhưng đóng sưu ở làng và chịu việc quan hoặc tự mình đi hoặc thuê người thay để sửa lại đường thành đồ, đắp lại đê, chữa lại các đường phố, kéo gỗ dựng cung điện hay công sở.

Công nhân thì trong một năm phải đi công sai sáu tháng mà chẳng được cấp lương đâu. Quan có cho ít nào thì lấy chớ không dám đòi tiền. Ta tưởng tượng cảnh họ khổ thế nào nếu họ nhiều con.

Những cùng dân không có tiền có gạo đóng thuế thì phải đi cắt cỏ cho voi cho ngựa của chúa; làng xa cũng mặc, quanh năm phải gánh ra đến tận tỉnh thành...

CHƯƠNG THỨ VII

(Cười xin)

(còn nữa)

HIẾN PHÁP TRUNG-HOA

(Tiếp theo trang 5)

Khoản 24.— khi Hiến pháp đã ban bố thì quyền chính-trị Trung ương sẽ do Quốc dân Đại hội điều khiển. Nghĩa là đối với quan viên của Trung ương chính phủ, thì Quốc hội có quền *tuyển cử* và *bãi miễn* và đối với pháp luật của chính phủ, thì có quyền *sáng chế* và *phúc quyết*.

Khoản 25.— Hiến pháp ban bố, thì lập tức, toàn quốc nhân dân y theo Hiến-pháp mà thi hành cuộc đại tuyển cử toàn quốc. Ba tháng tháng sau khi cuộc tuyển cử ấy xong, thì Quốc dân Chính phủ (tức là chính phủ của Quốc dân đảng) sẽ giải tán và giao quyền cho chính phủ do quốc dân tuyển cử ra, và thế là chương trình kiến quốc sẽ thi hành xong.

KỲ SAU:

BẢN HIẾN PHÁP LÂM THỜI 1931

CÁC BẠN ĐÓN XEM!

ĐẠI LÝ NÊN DÀNH TRƯỚC

VANG BÓNG MỘT THỜI

của NGUYỄN TUÂN

Phải yêu mến dĩ vãng phải tiếc thương và muốn vớt lại những vẻ đẹp đã qua, mới có thể làm sống lại cả một thời xưa được. Vì cái ý ấy, Nguyễn Tuân cũng đáng cho chúng ta cảm ơn rồi. Tác phẩm của ông lại có một giá trị sáng tác và văn chương đặt ông vào địa vị một nhà văn cho chúng ta nhiều hy vọng « Vang Bóng một thời » là một sản phẩm đáng quý, đánh dấu bước đường trở lại tìm những cái đẹp xưa mà các nhà văn ta thường sao nhãng.

THẠCH LAM

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN CỤC

Số 214 — Phố Hàng Bông — HANOI

NHỮNG BỆNH GIA TRUYỀN

NGUYỄN ĐÌNH HÀO

Bệnh lao.

BỆNH lao sinh ra bởi vi-trùng Koch. Vi-trùng này khác nhiều vi-trùng ; các vi-trùng này vào trong thân-thể người ta thì sinh ra bệnh trong ít lâu rồi thì hoặc người ta khỏe thì bệnh lui, vi-trùng bị giệt đi, hoặc người đuối sức thì chết vì bệnh. Vi-trùng lao thì khác vì có thể ở lâu năm trong cơ-thể mà người không chết : Tùy theo cơ-quan trong người bị trùng-lao ăn phải và tùy theo sức phản-động của cơ-thể người ta, bệnh-lao sẽ phát ra thiên-hình vạn-trạng. Không một cơ-quan nào trong người là không có thể bị trùng lao ăn phải, Ngoài bệnh lao phổi mà ta thường biết và bệnh lao phổi cũng có rất nhiều chứng khác nhau còn có nhiều bệnh cũng do trùng Koch sinh ra : đau màng phổi, màng bụng, màng óc, màng tim, đau xương.

Nhưng nói đến bệnh lao, ta thường hiểu là bệnh lao phổi, thông thường hơn các thứ bệnh lao khác. Vả lại bệnh này thường là bệnh của những người đương vào tuổi sinh con đẻ cái, Con của những người này phần nhiều mắc bệnh lao phổi hay một chứng lao khác, Dưới này, ta xét xem bệnh lao ấy di-truyền từ bố mẹ hay chỉ ấy ở bố mẹ sang thôi.

1°) Bệnh lao có thể di-truyền từ bố mẹ sang con cái được không ? Sự di-truyền này có thể được, nhưng rất hiếm, nên thường người ta không kể đến : sự di-truyền này không ngoài phạm vi sự khảo cứu của những nhà chuyên môn về bệnh lao.

Một vài khi người ta thấy những đàn bà mắc bệnh lao nặng, thường là lao phổi, có thể truyền vi-trùng Koch cho con được. Vi-trùng này ở rau ra rồi tự đấy sang thai. Thai ấy thường hỏng ngay trong bụng mẹ hoặc bị đẻ non, không nuôi được.

Một cách nữa di-truyền bệnh lao có thể có được là do một thể khác của vi-trùng Koch sinh ra ; thể này của trùng lao khác hẳn với trùng Koch ta thường biết, là một thể cực nhỏ của trùng ấy, soi kính không thấy, có thể lọt qua được các màng mỏng. Thể cực-vi của trùng lao cũng có thể truyền bệnh lao được, và cũng truyền qua rau như trên. Bệnh-nhân là những người lao phổi nặng. Những đứa con sinh ra có khi thiếu tháng hoặc chết ngay ; có đứa sinh ra nhu thường nhưng sau yếu mòn dần đi. Thường là những đứa trẻ nhỏ và gầy yếu hơn đứa trẻ thường.

Thể cực-vi không biến thành trùng lao thường được. Vả lại nếu đứa bé nhớn lên thì thể cực-vi cũng bị tiêu đi.

Nhưng dù bởi vi-trùng lao thường hay bởi trùng lao cực-vi, sự di-truyền bệnh lao là một sự đặc-biệt hiếm. Ta có thể coi bệnh lao như là một bệnh không di-truyền vậy.

2°) Không truyền vi-trùng sang cho con được thì bố mẹ có thể truyền cho con những tính-chất riêng để dễ mắc bệnh lao được không ? Con người lao có phải là dễ thành lao hơn trẻ khác không ? Ta có thể giả nhời không được.

ĐỌC NHẬT BÁO, CHỈ NÊN ĐỌC

BÁO VIỆT-CƯỜNG

VÌ VIỆT-CƯỜNG HOẠT-ĐỘNG

MỚI MẺ, ĐẦY ĐỦ, BỔ ÍCH VÀ VUI

NÊN GIA ĐÌNH NÀO CŨNG ĐỌC

BÁO VIỆT-CƯỜNG

hơn hay bé hơn trẻ thường nhưng nuôi nấng hẳn hoi, sau cũng nhớn và khỏe mạnh như trẻ khác. Điều ấy người ta thường nhận thấy.

Nhiều đàn bà lao sinh lần nào hỏng lần ấy. Sinh một lần nữa rồi người mẹ cũng chết nốt. Đứa bé sinh lần sau cùng ấy đem nuôi vú, sau cũng to nhớn và khỏe mạnh như mọi trẻ khác.

Người ta lại xét ra rằng những đứa con nào của người lao mà bị ốm yếu lúc đầu, thì khi được mười tám hay hai mươi tháng giở đi, cũng sẽ nở nang như trẻ thường, bố mẹ không bệnh tật gì.

Nói tóm lại thì con người lao không dễ mắc lao hơn trẻ khác nếu nó được nuôi nấng cẩn thận, nhất là nếu nó xa hẳn người bố hay người mẹ có bệnh lao. Sở dĩ nó dễ thành lao được vì nó lây bệnh của bố mẹ nó.

3) Vì bệnh lao chỉ là bệnh lây thôi, vì là một bệnh dễ lây. Người mắc bệnh lao vì người ta đã lây bệnh một người lao.

Muốn tìm ví-dụ không khó. Một nhà không có bệnh lao bao giờ, nuôi phải một vú em có bệnh lao, rồi thì bị bệnh ấy giết dần, từ trẻ con đến người nhớn.

Một người con gái khỏe mạnh bố mẹ và anh em cũng khỏe mạnh cả, lấy phải một người chồng có bệnh lao. Vài năm sau, người chồng chết. Người đàn bà góa đã lây bệnh lao trong mấy năm săn sóc cho chồng, trở về nhà, người ấy gieo trùng bệnh vào gia-đình mình, rồi thì các em nhỏ, anh, cha mẹ đều bị lây bệnh cả. Trường-hợp ấy giống như trường hợp một người học-trò đem bệnh lao vào gia-đình mình, sau khi mắc bệnh ở nhà trọ, trong khi ăn ở chung hàng tháng hàng năm với một người bạn lao.

Người ta kể chuyện này nữa. Ba người đàn-bà lao đẻ sinh đôi. Những đứa sinh đôi ấy, một đứa để nuôi ở nhà, một đứa đem về quê nuôi. Những đứa trẻ nuôi ở nhà sau chết cả vì lao, cả hai người vú nuôi cũng bị lao nữa. Còn ba đứa nuôi ở quê đều sống và khỏe mạnh cả.

Nói tóm lại người ta có thể đem rất nhiều chứng-cớ để tỏ ra rằng bệnh lao là một bệnh lây, không phải là bệnh di-truyền.

Trong cách lây bệnh ấy, ta nên nhận kỹ những điều cốt yếu sau này:

NHỮNG BỆNH NHỚN THƯỜNG LÀ BỆNH CỔ TỪ LÚC NHỎ, ĐẾN KHI NHỚN MỚI PHÁT RA

nhớn thường là bệnh có từ lúc nhỏ, đến khi nhớn mới phát ra. Vi-trùng lao vào trong người từ lâu, bệnh cứ ngầm ngầm, chờ khi người ta đuối sức thì mới phát bùng ra. Vì thế nhiều người lạ rằng mình không gần người lao, sao lại có thể lây bệnh được: không gần ít lâu trước khi bệnh phát ra thôi, nhưng đã gần từ lâu, từ khi còn nhỏ, nên không nhớ ra được.

Bệnh dễ lây cho trẻ con, nên đối với loài ấy, ta phải hết sức đề phòng, đừng cho gần người lao để có thể lây bệnh được.

2) Bệnh lao của người là do người lây sang. Có khi mắc bệnh vì ăn sữa trong có vi-trùng lao của giống bò. Đó là phần ít.

Thường thì ta mắc bệnh lao vì ta lây bệnh của một người lao khác.

3) Bệnh lao lây một cách trực-tiếp: mắc bệnh lao vì đã sống gần một người lao ra trùng lao. Trùng Koch có thể có ở trong không-khí, ở dưới đất, ở nhiều chỗ chung quanh ta, nhưng ta không lây vì những trùng ấy, nhất là khi trùng ấy đã bốc độc đi vì đã phơi ra ánh sáng mặt giời lâu rồi. Ta bị lây bởi vi-trùng của một người có bệnh lao.

4) Nhưng không phải vì chỉ gần chốc lát mà lây bệnh được; lây vì ở lâu vì gần gụi với một người ho lao, nhất là khi bệnh-nhân không biết giữ vệ-sinh cho người khác, bọt dãi cũng nhỏ, không chịu ăn riêng ngủ riêng. Bệnh lao thường phải ra ở những nơi mà mọi người ở chung với bệnh nhân trong buồng tối tàm chật-hẹp.

5) Thời kỳ nguy hiểm là lây bệnh khi còn ít tuổi. Tuổi càng trẻ, bệnh càng nặng. Trẻ con thường quấn quít với mẹ hay với vú luôn: nếu những người ấy có bệnh lao thì đứa bé sẽ luôn luôn hít phải trùng Koch; Tuổi còn ít, sức còn yếu nên bệnh lây nặng thêm. Nhớn lên, có sức hơn, lại không luôn luôn bên cạnh cha mẹ nên có lây bệnh đứa bé cũng không bị nguy lắm.

Nói tóm lại thì bệnh lao là một bệnh lây. Trẻ con dễ lây bệnh hơn người người nhớn. Lây bệnh vì ở gần một người lao trong một thời lâu; bệnh lao thường lây ở trong gia đình, ở trường học, ở xưởng thợ ở trại-lính.

NGUYỄN ĐÌNH-HẠC

GIA TRUYỀN

DANH-VĂN NGOẠI QUỐC

Alain là một nhà văn đặc biệt của nước Pháp ngày nay. Ông chuyên viết tiểu-luận, cho đăng trên các báo như *Dépêche de Rouen, Nouvelle Revue Française, Psychologie et vie, Libre propos, Europe*, vân vân... Tính ra mỗi ngày ông viết một bài, tất cả gồm ngót một vạn. Tuy ông có bài lắm-thường-nhưng phần nhiều văn của ông có một lối lý-luận rất tân kỳ khiến ai đọc cũng phải ham. Ông không xếp đặt tư-tưởng của mình thành thống-hệ những ra tầm suy nghĩ về đủ các mặt; nào triết-lý, nào mỹ-thuật, nào đạo lý nào chính-trị. Những bài tiểu-luận đó ông gọi chúng bằng một cái tên vắn tắt: *Propos* câu chuyện.. Các câu chuyện của ông đã có một ít thu lại in ra thành sách. Nổi tiếng nhất là những bộ: *Câu chuyện của Alain*, (Propos d'Alain). Câu chuyện về đạo Gia-Tô (Propos sur le christianisme), Ý tưởng và thế hệ (les idées et les âges) vân vân...

Ông không những nổi tiếng về văn mà còn nổi tiếng vì đào tạo ra nhiều văn sĩ đại danh như André Maurois, Henri Massis, Jean Prévost. Ông vốn chân giáo sư các trường trung-học trước dạy ở Rouen sau lên Paris dạy ở Lycée Henri IV.

Chúng tôi dịch bài tiểu-luận sau này về chính-trị để giới-thiệu với các độc-giả một lối suy tưởng đột ngột ấn kỳ.

HOÀI ANH

« Định-luật là những tỉ-lệ cần thiết suy ở tính chất một vật mà tìm ra ». Câu giải nghĩa rộng mông mênh khiến tôi không bao quát được; nhưng lúc tôi ước vọng những luật lệ mà tôi ưa thích thì lời giải nghĩa đó ngăn tôi lại như những khối rắn cứng. Nhà cầm quyền, dù là người thế nào chăng nữa, vẫn phải lẽ ý đến đại chúng, vẫn cố ý làm vừa lòng mọi người. Vì thế mà tôi nhận ra rằng, phàm việc gì cần quả quyết thì họ lại mềm như bún. Sau lưng họ vẫn có một cái gì thúc dục; họ nhân danh nó mà truyền lệnh: nó chính là sợi giây nhân quả chẳng chịt buộc họ với tôi.

Tiền đã tiêu là đã tiêu; không ai có thể cầm lại chỗ tiêu ấy được. Món nợ, như một bộ mặt bằng đá, chứng tỏ cho ta điều đó. Xản xuất là một việc, gặt hái là một việc, tiền làm ra trong một ngày là một việc cũng như mưa nước, mưa đá với gió là những việc. Có cái gió chắc chắn là loài đỗ cây như quả đất chắc chắn quay các việc xảy ra từ trước không tránh được như, chiến tranh, tiền vay, cách giả và nhiều chuyện nữa bó buộc chúng ta một cách vô nhân đạo tỉ cũng như chiếc ô-tô vừa vụt, ta nếu không tránh kịp, tất nẻm ta như hòn đá mà không biết thương gì. Khi nhà cầm quyền báo trước cho ta đẹp ra một bên, lúc đó họ chẳng giữ địa vị nhà cầm quyền nhưng địa vị một anh mãi một anh đầy tớ vừa sự cần thiết. Cứ như thế mà lần lượt bày ra nào thuế, nào lính bình và các cái khác. Mà nhà cầm quyền cũng biết nói rằng: « Cái đó tôi cũng như anh chẳng thích gì » Nói tóm lại, người ta theo tình-thế chớ không thể sống theo ý muốn mình được.

Phải lắm, thế là tôi đã hiểu rõ. Ngồi trong cái hốc tránh các cơn mưa, tôi có dư thì giờ nghĩ ngợi. Tôi nghĩ, nghĩa là tôi đo đắn. Tôi nghi ngờ. Cứ thế mà hóa biết nhiều. Điều nhận xét thứ nhất là người ta dễ nhầm mà thường thường cố giữ bo bo những điều mình thích, không chịu ngẫm xem cái mình thích ở thể làm được không. Thế thì nhà cầm quyền có thể ra lệnh theo ý thích của họ mà không theo cái đáng phải làm. « Cái đó tôi cũng như anh chẳng thích gì ». Còn phải xem đã chứ. Người cắm đầu thích có tiền trong khó, tôi không thích đóng tiền. Bọ tham mưu ưa có bà anh linh để đánh một đòi giầy; nhưng tôi chẳng ưa đánh giầy.

Trong những điều nhà cầm quyền xướng xuất ra rồi lập tức bắt tôi phải tuân vì cho là cần-thiết tất có một phần nhỏ hay nhớn, chẳng lấy gì làm cần nhưng đã làm vui lòng họ. Thế mà ở trong cái xã hội bị nén như dạ feutre này, chẳng ai nhìn xa quá được bàn tay mình thì tôi làm thế nào mà nhận ra cái phần đó được? Corfontaine đã bảo trong cuốn Otage (1) (Con tin). « Ta làm thế nao mà biết được ý của Thượng Đế, vì ta chỉ có mỗi một phương sách là làm trái lại ý muốn của ngài? » Câu nó bao

(Xem tiếp trang 22)

(1) Trong kịch *Otage* (con tin) của Paul Chandel, một thi sĩ đại danh của Pháp hiện đại.

ĐỘC THÂN

(Tiếp theo trang 12)

Tuyên cảm thấy người anh nhẹ phày phày. Anh tưởng chừng như vươn cánh tay lên, anh có thể cất bổng mình theo gió. Một ý nghĩ khiến anh khoan khoái. Anh đứng trên cao, bao quát cả một khu thành phố. Mọi người đang ngủ, chắc một giấc ngủ đê mê của xác thịt rã rời vì vật lộn. Một mình anh thức, lặng nghe đạo vật. Một mình tỉnh táo và suy nghĩ, anh là tinh tuý.

Tư tưởng anh có cánh bay lên những miền thanh khiết vô cùng, nơi có những thiên thần dập dìu trong gió lụa. Hình như bao nhiêu tục căn trong người anh tan đi, anh chỉ còn thấy mình hòa hợp với bầu trời bát ngát trăng sao.

Anh chợt nhớ đến những lo nghĩ lúc chiều. Sao kỳ khôi vậy nhỉ ? Cơ chi đã khiến anh băn khoăn đến thế ? Giấc ngủ ban ngày đã rửa hồn anh. Bây giờ anh chỉ thấy những ưu phiền nọ là tủn mủn, buồn cười. Tuy nhiên đã có lúc nó làm cho anh thực tình khổ sở. Anh nghĩ lại, không khỏi ngạc nhiên và thương hại chính mình. Đó là một cơn mê sảng của tinh thần bị căng quá đỗi.

Anh bỗng tưởng tượng nếu giữa lúc này, có tiếng người đàn bà ngái ngủ hay đứa trẻ khóc thét ở buồng anh, thì thôi còn đâu giây phút thần tiên ? Mộng đẹp đứt cánh sẽ rơi tan thảm hại. Anh sẽ trở lại với những giây trói buộc của thực tại buồn rầu !

Cứ nguyên như thế này, anh ra vào thư thái, ung dung, không vướng cái gì, không lo làm phiền ai và cũng không bị ai kiểm soát. Thân anh là của anh hoàn toàn. Anh đi, anh đứng, anh trở gót, anh tới lui, anh giơ tay hay anh giơ chân, mỗi cái đều là tự do phóng túng. Anh chợt tự phục mình vì làm được thế, cơ hồ những cử chỉ rất thường đó bỗng trở nên huyền diệu, thiêng liêng trong không khí thanh cao ! Anh thấy nó có nghĩa đầy đủ ở chính nó, không cần phải lẽ gì biện hộ, mặc dầu có khi nó chỉ là một ý thích bất thường. Ôi ! khoái hoạt thay đời độc thân, nhẹ như mây trời, gió núi !

Tuyên nhìn lại cái phòng anh .Sạch sẽ. Ngăn nắp Cái gì cũng cũng chơn chu, ống chuốt, tinh tươm, và bay cái tiện nghi ích kỷ của một người trai chưa vợ có tính cẩn thận, ưa trật tự, Những thứ mà lúc ban ngày anh ghét bỏ (lầm lạc quá !), từ cái bàn, cái ghế, cho đến những đồ dùng nho nhỏ, bây giờ anh bỗng cảm thấy chung cũng có linh hồn.

Tất cả những đồ đạc ấy, phần nhiều tự tay anh đã phác họa kiểu mẫu chúng, trước khi chúng thực hiện dưới bàn tay thợ. Vậy chính anh mới là người sáng tạo chúng, và giá trị của chúng cũng không kém gì những tác phẩm khác của anh, vì từ ngày về đây, đến lại công anh, chúng đã họp nhau làm thành một nơi ấm cúng và gây nên một không khí êm đềm cho anh dễ chịu. Hoặc ôm ấp, nâng hứng hay giúp đỡ anh, lúc nào chúng cũng sẵn sàng. Đó là những bạn trung thành, không bao giờ khiếm khuyết, biết mọi cái bí mật về anh mà không tiết lộ, chịu những giận hờn vô lý mà chắc không một người đàn bà nào kham nổi. Sống ở giữa chúng, anh có thể buông thả mình tự nhiên và được yên ổn hoàn toàn. Mỗi khi anh ở ngoài về, trán nặng những ưu tư phù thế, hay tâm hồn sai lạc vì những cuộc vui phiếm lãng, ồn ào, anh chỉ trông thấy chúng, chỉ thở cái khí lành ở đây là đủ rũ sạch tro bụi và tìm lại được cái thăng bằng bình nhật. Những xôn xao vô ích của đời, đôi khi tràn đến ngưỡng cửa anh đều bị ngăn cản lại. Hình như có một nghiêm lệnh rằng : « Không qua được ! Đây là đất cấm, là tháp ngà của một người đã nguyện sống một đời tinh thần riêng biệt ! ». Vậy là anh được che chở trước sự đời và người đời ! Anh bỗng có ý nghĩ rằng những lúc anh thanh thản đi dứng khoan thai, tâm trí không bận những lo âu phiền toái ra ngoài trang sách, chắc là anh đẹp lắm ! Với vẻ hiên ngang và khí thiêng của tâm tư bằng bặng trên trán anh lúc ấy, như một hào quang thanh khiết, hẳn là anh phải có cái phong thái nhẹ nhàng của một vị chân tiên ! Ôi ! Hào hùng thay cái cô đơn tự-mãn của người đắm mình trong tư tưởng !

Một cơn gió nữa tạt vào phòng. Tuyên chợt tỉnh cuộc suy nghĩ mê mải, mỉm cười bảo mình : « Tiên thế nào được mãi ! Nhưng ta hãy cứ biết tiên cho đến lúc nào hóa tục ! ». Anh cảm thấy một sự mát mẻ theo gió rội vào lòng anh. Chung quanh im phắc như tờ. Ánh sáng xanh của ngọn đèn đêm tỏa dịu ở một góc tường xanh. Tất cả mọi vật chìm đắm trong màu sắc mơ-hồ, thảy đều tăng thêm phần diễm ảo.

Tuyên dừng chân bách bộ, hai tay thu trong túi áo, cái áo dài « lễ phục » để ngồi bàn giấy. Trong đêm khuya, anh nghe hình như phảng phất có linh hồn của Diderot lại trở về căn gác.

* *

Sáng hôm sau, trước khi đi làm, Tuyên xé bức thư đã định gửi về cho chị

HƯỚNG-MINH

(Juin 1943)

BẠN ĐỌC VIẾT

GÕ ĐẦU TRẺ?

LÃM TUYỀN KHÁCH

Độc giả, nếu ai để ý quan sát mọi su hướng, mọi trào lưu trong xã hội, tất đã nhận thấy rằng cái «nghề gõ đầu trẻ» không được các bạn thanh niên ngày nay ưa thích lắm. Thực vậy, ở các kỳ thi vào các công sở khác, số thi sinh bao giờ cũng nhiều hơn số thi sinh vào học ban Sư phạm để sau thành người khuôn mẫu dìu dắt con em. Thậm chí đã có người cho cái nghề dạy học là «bước đường cùng» của những người phải lao động bằng trí thức, cái nghề bất đắc dĩ của những người phải đem cái sở học của mình làm cái vốn sinh nhai. Nếu báo giới là một cái làng «ba vạ» ai vào cũng được, thì giáo giới đã là nơi tạm trú cho những người chiến bại trong cuộc tranh đấu gắt gao lấy một chỗ an nhàn trong công sở. Chỉ thấy nói ông y sĩ này, ông phán nọ trước kia đã từng đi dạy học, chớ không thấy nói ông giáo này hay ông giáo khác trước kia đã có lần thông ngôn hay thư ký... Ông Bernard hồi quyền Tổng Trưởng Nha Học Chính Đông Pháp đã nhận thấy như thế, nên ở một kỳ học chính Hội nghị họp tại kinh thành Huế, ông đã chỉ rõ cho ai nấy đều thấy cái thái độ lãnh đạm của thanh niên đối với nghề gõ đầu trẻ. Ông xin hội nghị can thiệp để nâng cao quyền lợi các Giáo Viên, ngõ hầu khuyến khích các bạn thanh niên Việt Nam đừng ruồng rẫy cái nghề mà cổ, kim, Đông, Tây đều tôn là cao quý nhất; đề nghị rất hợp lẽ của ông, tuy đã được Hội nghị để ý tán thành nhưng vì tình thế ngày nay, đã bị dấm chìm đi mất với bao nhiêu hồi hộp mong chờ của mọi người trong Giáo Giới.

Thanh niên không yêu chuộng nghề dạy học — điều ấy không cần nói đến ai cũng biết — là một điều bất hạnh cho đất nước, nhất là khi mà Nhi đồng Việt Nam, như lời ông Bertrand, nguyên Tổng Trưởng Nha Học Chính Đông Pháp đã nói, còn là một cái «thế giới bí ẩn». (L'enfance annamite constitue tout un monde inconnu). Điều ấy cũng có thể là một điều quái gở, thì, là thanh niên một nước đã khoẻ khoang là bốn nghìn năm văn hiến mà không chuộng nghề dạy học thì lại không là một điều quái gở sao?

■

Nhà Hachette ở Paris, cách đây đã lâu, có xuất bản một bộ tùng thư dưới cái nhan đề: «Nhân phẩm Đời Nay» (Les caractères de ce temps). Bộ tùng-thư ấy ra từng tập, và trong mỗi tập, một cán bút chuyên môn hoặc thành thạo đem trình bày những cái vinh cái nhục, những tính-cách riêng của mỗi nghề, mỗi giới trong xã hội Pháp đương thời; mỗi tập có một tên riêng như «Nhà ngoại-giao» (Le diplomate) «Nhà doanh-nghiệp» (L'homme d'affaires), «Nhà văn-sĩ» (L'écrivain), «Nhà Giáo» (L'instituteur) vân vân... Tập sau này tôi có đọc và đọc đã lâu. Tôi nhớ đại khái trong đó tác giả kể chuyện một bà nọ, đến vấn kế sinh nhai cho người con lớn của bà đang sửa soạn để nhảy ra đời tranh đấu.

— Thưa ông, thằng cháu nhớn nhà tôi nên cho nó làm gì được giầu có sung túc?

— Thưa bà, nếu bà muốn cậu em sau này trở nên giàu có thì lời trước nhất tôi khuyên bà là đừng nên để cậu em làm cái nghề dạy học, vì nhà Giáo là người không biết khóe «làm tiền».

Tôi thuật lại mẩu chuyện trên đây để độc giả hiểu đại khái, về phương diện vật chất, cái quan niệm... đối với nghề «Gõ đầu trẻ» như thế nào.

Còn ở nước ta, cái nước có tập quán rất hay là đã tôn bực «thầy» lên gần với «Vua», «Cha» (Quân, Sư, Phụ), ta chỉ cần ngâm lại hai câu thơ này của một ông đồ cổ mà phường chèo vẫn hát:

«Miệng thèm sơ rượu be hồi dịch,
«Giọng khát tìm chè lọ mốc meo!»

Thì ta sẽ lượng hiểu được cái cảnh thanh bạch của các nhà mô phạm thời xưa. Ta lại lắng nghe một ông đồ Nghệ than thân cứ đến ngày tết là học trò chuồn lủi: «Càng niên quyến nguyến, đáo Đoan Dương, Nguyên đán dĩ hà đáo?». (Quanh năm quấn quít, tới Đoan Dương Nguyên Đán tếch đường mô?). Nhà giáo của thời xưa, tuy được trọng vọng ở chốn tinh thần, nhưng bạc đãi nơi vật chất. Trách chi mà một ông Huấn đạo của thời ấy, trước cái cảnh «làm tiền» dở dội của thế nhân, buồn cho cái cảnh túng nghèo, xuống lạt của mình, đã không dốc cả bầu tâm sự trong một câu thơ não nùng và thấm thía như thế này:

«Huấn Đạo hà thời thăng lại mục?»

Ấy là tôi chưa kể rằng thời ấy người ta không cần thịt quay cùng bỉ tết, chưa biết đến sâm banh cùng sữa bò, mà chỉ quen uống rượu với khúc cá kho, với giây rau muống, với quả cà thâm. Các cụ gọi cái nghề này gọi là nghề «canh thiệt» nghĩa là lấy lưỡi đi cày, tưởng cũng không là quá đáng.

Nói tóm lại, ở Đông hay Tây, thời nào cũng vậy, người ta cho nghề dạy học không phải là một nghề có thể kiếm được nhiều lợi (Métier lucratif). Cho nên, ngày nay chúng ta sống ở buổi đời gạo châu củi quế, chung quanh mình ta bao nhiêu cái xa hoa đài điếm bắt khối óc ta phải luôn luôn quay lộn với đồng tiền, thì đối với nghề dạy học thanh khiết ấy, bạn trẻ thờ ơ là một lẽ đương nhiên vậy. Cứ bình tĩnh mà nói, thì điều ấy ta thực không đáng trách thanh niên, vì họ đã không còn cái búi tó trên đầu, với một bộ móng tay giải gãi ghẻ, thì tất nhiên họ không thể đeo một cái quần nâu với một chiếc áo lụa huyền. Tâm hồn họ đã chạy theo thời đại, thì thể chất họ cũng phải tiến hóa theo hoàn cảnh, theo su hướng của người đời. Bởi thế họ đã chọn những nghề có nhiều lợi, những nghề có thể đưa mình đến một cuộc sinh hoạt nếu không thừa thãi thì dày đủ.... Tôi đã được nghe một ông Giáo kể truyện khi ông mới bước chân vào nghề dạy học, một bạn đồng nghiệp đã lâu năm lăn lóc với nghề, sẽ rỉ tai mà thầm nhủ ông rằng: «Liệu mà xa chạy cao bay, kẻo nữa cắm sào sâu thêm khó nhổ!». Ta lại cũng không đáng trách cái ông đã thốt ra lời khuyên quái gở ấy. Ngày xưa, các cụ coi sự dạy học là một việc lấm để thỏa tấm lòng lạc đạo, trái lại, ngày nay, nó đã thành hẳn một nghề như trăm nghìn nghề khác, cho nên khi người tả nhận thấy quyền lợi của nghề mình có đôi chút thấp kém mới mang lòng chán nản mà lên tiếng than phiền. Nhưng tôi thiển nghĩ, nếu người ta phàn nàn về quyền lợi tức là người ta đã bỏ rơi cái mục đích cao trọng của nghề nghiệp, và bởi thế, tôi tưởng các bạn trong giáo giới cũng không nên phàn nàn rằng cái sư đạo sư quyền ngày nay đã trụy lạc không được tôn nghiêm như ngày xưa.

Trở lên, tóm lại là cái cớ đầu tiên — cái cớ vật chất -- khiến bạn trẻ ngày nay không thích nghề dạy học. Tựu trung còn nhiều lẽ nữa thuộc trong phạm vi nghề nghiệp và nhân phẩm. Thực vậy, cái nghề «mớm chữ» nó buộc người ta phải có nhiều đức tính và tài năng mới trở nên một người thiện nghệ. Trong Sư-phạm khoa có câu: «Thày Giáo là tất cả» (le Maitre est tout). Này nhé, khi học trò chơi ở sân, thày giáo chắp tay sau lưng đi bách bộ để trông coi chúng là lúc thày đóng vai A-dăng-Phú-lit (Agent de police), tuy bên lưng thày không có dắt cái đùi cui; khi chúng cãi cọ nhau, đưa nhau đến mách thày, lúc ấy thày phải làm ông Quan Tòa, tuy thày không hiết mặc áo đen và áo đỏ; khi chúng khóc mếu thày phải dỗ dành, lúc ấy thày lại là một anh «vú đực» không biết mớm cơm; nếu bất hạnh thày phải tòng sự ở một trường heo lánh trong thung lũng, hoặc xa tắp trong thôn quê, muốn tận tâm với nghề nghiệp thày còn phải làm ông lang thuốc nữa. Bấy nhiêu cái phiền, những cái phiền mà một công chức khác không bao giờ biết đến, nếu không nhẫn-nại, nếu không yêu trẻ, yêu nghề thì chịu làm sao nổi, làm sao được? Nhưng cái công việc phiền toái và khó khăn nhất của thày là công việc «mớm chữ» cho trẻ con. Nếu đã nhiều lần thày giảng đi giảng đi giảng lại rằng trái đất hình tròn như quả quần, nhưng khi quan Kiểm khám trường nó lại thưa rằng quả đất hình tròn như cái mẹt thì thày liệu có phát khộc lên được không? Thày dạy rằng: «Le coq» là con gà sống, và theo phương pháp trực tiếp của khoa Sư-phạm, thày đợ con gà sống của thày mới mua ở chợ cho nó xem mà bảo nói: «Voici le coq», Nhưng hôm quan Kiểm khám trường đợ con gà sống khác cho nó xem và hỏi nó tiếng Pháp gọi là gì, thì nó lại nhất định không phải «le coq». Quan Kiểm đi rồi, thày mắng nó, nó

(Xem tiếp trang 25)

CHUYỆN CỦA MAXIME GORKY

MỘT ĐÊM HÈ

NGUYỄN HỮU ĐIỂN

MỘT đêm nặng nề, không giăng sao. Thành phố như một con vật nhọc mệt, thở phì phào trước khi thiu thiu ngủ.

Dưới vòm trời thấm thấp, từng đám mây đen u uất, thong thả chồi. Cây trong công viên đứng yên lặng; không một cành lá rung động. cảnh vật như bị đè nén dưới bóng tối nặng nề, đầy cát bụi.

Tôi nằm giải trên một tấm ghế trong góc vườn tối om; xa xa đưa lại điệu nhạc của nhà binh, người tuy mỏi mệt tôi cũng tưởng như nghe thấy tiếng chân ngựa rộn rịp, khúc biệt ly của quân lính, lời khóc than của người chinh phụ, bấy nhiêu thứ tiếng rộn ràng, với thỉnh thoảng tiếng ầm ầm từ một nhà máy gần bên đưa lại.

Xa xa trong đêm tối, một vài ánh đèn le lói như muốn thoát ly chỗ đất bay bổng lên không. Nằm trên tấm ghế cũ nát, mỗi khi cựa mình lại kêu răng rắc, tôi lắng tai nghe những tiếng rạo rực trong bụng vì đói khổ. Dần dần tôi càng choáng váng, tôi quá sức mệt nhọc đến nỗi cái lòng ghét đời, căm hờn nhân loại từ bao lâu làm tôi đau khổ cũng như cơn đói lúc này, bỗng héo mòn chết hẳn trong tâm can tôi.

Bất thình ở đầu lối đi, trong vườn hiện ra một bóng người: một người đàn bà nhỏ nhắn, thon thon. Người đàn bà thong thả đi lại, vừa đi vừa hát, tôi mang máng nghe thấy:

« Suốt ngày ta chỉ long chơi,
« Tiền tiêu đã cạn buồn ơi là buồn! »

Tiếng hát buồn bã. Chợt nhìn thấy tôi người ấy đổi giọng, cất tiếng vui vẻ, ngạo nghễ:

— « Cha mẹ ơi có người nằm đây ư!

Tôi chẳng buồn giả nhời, cũng không nhúc-nhích. Người đàn bà đi qua, trông trọc nhìn tôi, đi lên mấy bước nữa, rồi cất cao giọng:

— « Chồng em khi đói đánh em
« Đến khi no bụng, nằm yên, ngáy tràn »

Tôi có cái cảm giác rằng ngồi lên, hai tay bóp chặt lấy bụng có lẽ đỡ khổ hơn là nằm. Tôi cố sức ngồi giậy. Cái ghế lại kêu răng rắc. Thấy vậy người đàn bà quay đầu lại. Một giọt nước nặng nề ở đâu rơi xuống tay tôi, tôi lè lưỡi liếm, tôi cũng chẳng hiểu tại sao tôi làm như thế!

Tôi ngửng đầu lên thì thấy người đàn bà đứng sừng trước mặt:

— Anh ngồi làm gì đây? Anh say rượu hay sao?

— Chị đi ngay. Tôi không say, mà chắc chị cũng chẳng cần đến tôi.

Người đàn bà cãi lại:

— Tôi chẳng thèm cần đến một người đàn ông nào. Anh phải biết tôi có kể gì bọn đàn ông các anh.

Rồi hắn tiến lại, ngồi gần bên tôi, dành riêm soi tỏ mò nhìn tôi, và cất giọng chế nhạo:

— Giời ơi! Cái đầu mới bẩn làm sao!

Hắn châm thuốc hút, rún rẩy làm cho ghế lại kẽo kẹt, tiếng ghế càng như vang động thê thảm trong thâm tâm tôi. Lửa thuốc đỏ hoe, tôi thấy rõ khuôn mặt người ấy, khuôn mặt tròn sinh của một người con gái Nga, đôi mắt sáng, cái cằm nho nhỏ ngây thơ.

— Anh ốm hay sao? Người đàn bà hỏi tôi.

— Phải, tôi ốm.

Người đàn bà cất giọng rè rè hát:

« Ta muốn quay về nơi xứ sở
« Nhưng còn đâu nữa cố hương ơi! »

Rồi lại hỏi tôi:

Anh không biết tìm chỗ nào mà ngủ ư?

— Tôi không biết,

— Đấy, tôi cũng đoán như thế. Tội ấy à, nếu tôi muốn tôi đã có chỗ ngủ rất ấm áp. Nhưng mà tôi không thèm

Nói xong hắn vươn cổ ra vẻ khinh bỉ, vứt điếu thuốc lá vào bụi cây;

muốn đi lang thang như thế này. À, anh có đói không ?

Tôi sẽ nói : có

— Tôi ấy à, tôi không đói. Một giờ trước đây tôi đã ăn mấy miếng thịt rán hành trong một cửa hàng. Ồ thịt rán nóng ngon lạ ! Anh muốn ăn lắm thì phải ?

Rồi nó cất tiếng cười, lạnh lùng, khô khan như tiếng cốc vỡ. Tôi muốn trốn đi, nhưng vừa đứng lên tôi đã choáng váng, tôi hiểu rằng nên ngồi yên đây hơn là cố lê ra ngoài phố.

— À chân anh không vững nữa ư ? Người đàn bà lại hỏi tôi bằng một giọng đắc chí lạ lùng. Nó ngồi yên một lát. Tiếng hòa nhạc lúc nãy đã im, chỉ còn thấy tiếng máy ở sưởng gần bên sình sịch chạy.

Bỗng nhiên nó bảo tôi :

— Anh có muốn tôi cho anh... Giọng nói ôn-tồn làm tôi phải lạ. Nó ghé lại gần tai tôi :

— Tôi cho anh hai đồng bạc trắng ? Hai đồng bạc anh hiểu chưa ? Anh muốn không ?

— (Tôi hi vọng) : tôi muốn lắm. Chị cho tôi, sau này tôi sẽ giả chị, tôi xin thề.

Nghĩ đến chuyện ăn một món gì nóng sốt làm cho tôi ứa nước giãi, và người tôi run lên.

— Anh trông, hai đồng bạc đây. Hai đồng này ít ra cũng no nê được hai ngày. Vậy anh có muốn tôi cho anh không ?

Tôi giơ tay !

— Chị cho tôi.

Bỗng nó cười vang lên, đập mạnh vào bàn tay tôi, rồi ném hai đồng tiền vào bụi cây. Tôi nghe rõ tiếng bạc rơi xuống đất, trong bóng tối.

Tôi không biểu sao, tôi nhìn nó, hai mắt kinh ngạc. Nó đứng lên, lùi ra đằng sau một bước, cúi đầu nói giọng the thé :

— Đã trông thấy chưa ? Đồ ngốc kia. Anh tưởng tôi cho anh hai đồng bạc để anh được no nê ư ? Rõ đồ ngu ! Anh nên biết dầu tất cả đàn ông các anh xúm nhau lại đây mà chết đói, ta cũng mặc.

Nó còn nguyền rủa tôi một câu nữa, rồi quay đi Cách xa tôi độ mười bước, nó đứng lại, rồi nó nói bằng một giọng run run, như thổn thức những nước mắt.

— Có lẽ anh là một người tốt, chưa từng làm hại ai. Mặc dầu, ta cũng được thỏa vì ta đã làm cho anh khốn khổ. Ta hành hạ anh để báo thù cả lũ đàn ông các anh, anh hiểu chưa ? Ta sướng vì đã có dịp hành hạ một đồ chó dù chỉ có một lần.

Giọng nó thổn thức, nhỏ dần, tôi có cảm giác như một bàn tay vô hình ném những nắm bùn ướt vào mặt tôi. Tôi run cả người, tôi cũng không hiểu cơn đói hay là lỗi nhục làm cho tôi muốn kêu thét lên như điên.

Người đàn bà bỏ đi, thân hình biến vào bóng tối. Nhưng từ xa đưa lại, tôi có nghe nó kêu :

— Nếu anh thoát chết đói rũ trong vườn này, anh nhớ bảo cả bọn đàn ông các anh, tất cả lũ chúng nó rằng ta cay độc căm hờn chúng nó ? anh nghe chưa ?

Xung quanh tôi lại lặng lẽ. Xa xa ánh đèn lại lói.

Quả đất quay tít... hay đầu tôi choáng váng thì đúng hơn.

Tôi không hiểu nữa, có chăng tôi nhận thấy tay tôi cũng ướt lạnh như mặt tôi, Tôi nghĩ đến sự tìm hai đồng bạc. Tôi muốn kêu gọi người giúp sức, nhưng không sao được : tôi đã kiệt lực... tôi ngã gục xuống chân ghế...

NGUYỄN HỮU-ĐIỀN *dịch*

DANH-VĂN NGOẠI-QUỐC

(Xem tiếp trang 17)

hàm nhiều ý nghĩa mà có lẽ hớ hênh nhưng tôi vốn không điếc. Nếu tôi bảo ; « Nếu không cố ý chống chọi thì biết việc nào là việc cần ? »

Không những thế, khi tôi ngẫm về những định luật vô tình cai quản gió, sóng trên mặt bể thì óc tôi bỗng nẩy thêm một ý nữa. Tôi chịu nhún, biết thế là cần ; nhưng như chiếc tầu đi vát, tôi vẫn tới được những chỗ tôi muốn tới ; chiếc tầu vẫn phải tùy theo sự cần thiết bó buộc ; nhưng nó vẫn đi ngược gió. Người đời từ bao nhiêu thế kỷ nay vẫn có thể dùng cái khéo của mình mà dùng thuyền đi ngược gió thì tại sao người ta lại khuyên tôi phải tuân theo những huấn lệnh của sự cần thiết về chính trị. Trên mặt bể chính trị, nếu các người mà chịu thua bất kỳ ngọn sóng nào, mặc thân chôi theo giòng nước như chiếc ván nát ; không dám tự ý theo hướng của mình thì thật cũng hèn nhát, không đáng làm người. Nhất là mình lại cùng vào bọn với những người đông chỉ là người cùng muốn đến chỗ mình muốn tới. Can đảm lên, giữ lấy hướng mình theo.

Nghĩ một chút về chuyện chính trị, tôi thấy đi quá điều mong ước. Người ta đã quen thói không tôn kính dợt sóng ; chỉ để tâm vào đó mà thôi để tùy sức mà bắt sóng làm việc cho mình. Sự cần thiết vốn vô tình ; ghét nó là điên ; nhưng yêu nó cũng chẳng không đồ. Vậy thì trong chuyện chính trị tôi đã tìm ra lẽ cần thiết nó làm chủ tôi — một lão chủ độc nhất đáng mặt chủ — thì tôi chẳng cần phải tôn kính nữa. Trong cái bộ máy to lớn ấy tôi muốn thong dong đi lại nhưng tôi chẳng muốn thờ kính nó. Nó chỉ là một kẻ thù như mọi kẻ thù khác. Mục đích của tôi là tuân theo để thắng, như tôi đối với gió, sóng...

H. A.

AI PHÁ HỦY?...
AI SÂY DỰNG?...

NGHIÊM XUÂN YÊM

DÂN trong một nước, chia làm bao nhiêu giai-cấp mặc giầu, tựa chung vẫn có thể phân ra phái trí-thức và dân-chúng. Phái trí-thức có bổn-phận dìu-dắt dân-chúng trên đường tiến hóa, để mưu sự thịnh-vượng chung. Đã đành rằng: « quốc-gia khuynh nguy, thất phu hữu trách », nhưng chịu trách-nhiệm nặng-nề với lịch-xử hưng, vong, xuy, thịnh của một nước, bao giờ cũng vẫn về phần bọn sĩ-phu phải đưa vai ra gánh lấy,

Gặp buổi nước thịnh, dân mạnh trách-nhiệm bọn trí-thức, sẽ nhẹ-nhàng, vì họ chỉ phải noi theo lối cũ của tiền-nhân để cùng đân chúng cùng quay bánh xe tiến-bộ mãi. Gặp buổi nước nguy, dân yếu, trách-nhiệm bọn sĩ-phu sẽ nặng nề gấp bội. Trong trường hợp này, kẻ sĩ cũng ví như người có một ngôi nhà nát. Trước hết cần phá bỏ rồi sau mới xây dựng lại.

Tuy rằng mấy điều vừa viết trên đây không mới mẻ lạ lùng gì, chẳng qua chỉ là nhắc lại những điều đã được và sẽ được công-nhận khắp đông, tây, từ hàng nghìn năm về trước và hàng vạn năm về sau ; nhưng, sở-dĩ nhắc lại những điều ấy là vì hiện-thời chúng ta thấy có một ngôi nhà đã bị đổ lâu, chưa ai xây dựng.

Ngôi nhà ấy đã bị tàn-phá từ hai, ba mươi năm trước đây, thoạt tiên người ta rỡ những viên ngói vỡ, những cái rui gẫy, cái hoành mọt ; nhưng sau người ta thuận tay hạ cả những sà lim, cột đinh, rồi tường móng xây bằng đá ong cũng đào lên. Hiện nay chỉ còn chơ nền nha, rầu rãi nắng, mưa ; rêu phong cỏ mọc. Những kẻ hô nhau đã kéo đổ nhà ấy hình như đã bị say mê trong cuộc hủy-hoại ; họ dập phá cho sướng tay. Rồi ròng rã gần nửa thế kỷ, không một ai lo tới công cuộc kiến thiết lại

Từ khi bọn huynh-trưởng đã hủy-hoại mất nếp nhà cũ ấy thì đàn em giại, lau nhau một lũ đông, không còn có mơi trúần... Hiện nay bọn em dại ấy đương mong-mỏi kẻ đàn anh trở về *để xây đền họ một nếp nhà mới.*

Thực vậy, người dân-quê việt-nam trước đây đã cùng với bọn sĩ-phu, hưởng của tiền-nhân một gia-tài khá lớn. Trước kia, họ đã sống vìn vào một luân-lý chắc-chắn, bày tỏ rõ rệt ra tam cương, ngũ-thường để họ noi theo Họ đã sống với một tin-ngưỡng mãnh-liệt trong sự thờ cúng tổ-tiên ; linh-hồn ông cha thiêng liêng luôn luôn phù-hộ, an-ủi họ. Họ đã sống nhờ những giây liên-lạc, đoàn kết bền-chặt trong gia-đình và hương-đảng ; gặp khi vui buồn, họ yên-tâm chắc-chắn bao giờ cung sẵn có người trong nhà, trong phường, họ, giáp, phe, chia vui, sẻ buồn và giúp đỡ. Họ đã sống với một tin-tưởng thần-tiên huyền-bí về nòi-giống, với một lòng tin cậy vững vàng về văn-hóa của tổ-tiên đã gây dựng từ bốn nghìn năm có lẻ...

Thế rồi, một ngày kia, dân-chúng thấy bọn sĩ-phu nào-nức hò-hào nhau đón lấy một văn-minh mới, sáng-sủa hơn, bảo rằng để mưu cho toàn-thể quốc-dân một cuộc đời tốt-đẹp sung sướng hơn. Dân-chúng cũng không mong gì hơn thế, nên họ tin ở bọn sĩ-phu và trong vòng 30 năm nay, dân-quê yên lặng chờ xem phái trí-thức phá bỏ những điều dở của nền văn-minh cũ, mà họ cho là hủ-bại. Song, những điều hư-bại có lẽ chưa phá được tới cỗi, rễ, họ đã phá tràn cả tới những điều hay. Bao nhiêu nền tảng kiên-cố của một văn hóa cũ, luân-lý cũ, tin-tưởng cũ, họ đào bật cả lên.

Trong khi ấy, toàn-thể dân-quê mong đợi. Họ chờ mãi, như kẻ học-trò đợi thầy giáo giảng bài cho để ghi chép. Họ chờ những châm-ngôn mới để noi theo trong đạo thường đối với cha, mẹ, anh, em, bạn hữu... Họ chờ những tin tưởng mới để phụng-sự, để hy-sinh, để gây lòng tự-tin, để nuôi lấy nghị-lực phấn đấu.

ngày thi-hành trong nghề-nghiệp, ngõ hầu mong nâng cao trình-độ sinh sống lên đôi chút ... Họ chờ đợi mãi. Họ sống im-lìm, nhẫn nại trong sự chờ đợi, nên họ không biết rằng những kẻ mà họ chờ đón càng ngày càng đi xa họ. Những kẻ ấy, sau khi đã phá hủy những nếp nhà cũ bèn lần tránh sang một con đường tắt, — một con đường tất nhiên sai lạc, — để mưu lấy sự sung sướng vật chất một mình. *Họ đã hủy hoại, rồi bỏ đấy. Họ đã hứa hẹn, rồi quên đi.*

Tới nay, thế hệ trí thức phá-hoại thứ nhất ấy chưa hồi tâm đã tiếp đến một thế-hệ trí-thức phá hoại mới, ngơ-ngẩn, không hiểu lề-thói của dân-quê, không rõ tình tình của dân-quê, không thuộc ngon-ngữ của dân-quê, không tường cách mưu-sinh của dân-quê. Sự trang sức, ăn-uống, sự giáo-dục, giao-tiếp hàng ngày, cả đến học vấn của họ đều đưa họ đến sự lãng quên rằng họ thuộc vào một phần-tử trí-thức của dân tộc việt-nam... .. Họ đã tập nhiễm cái người dân-quê Việt-nam bần-thỉu hủ-lậu. Thế-hệ trí-thức ấy chưa giúp ích chi cho trình độ sinh-hoạt của dân-quê được khá hơn ; trái lại, họ còn vung tay vứt đồng tiền có tẩm mồ hôi của dân quê Việt-nam ra bốn phương để chuộng lấy sự phù hoa, ăn ngon, mặc đẹp, cho riêng bản thân mình.

Vậy dân chúng có thể hy vọng gì ở những thế hệ trí-thức ấy? Và họ phải chờ đợi đến bao giờ?

Nhưng dù sao, dân chúng vẫn nhẫn-nại mong ngóng *những kẻ đã phá hoại hồi tâm trở về xây dền họ mặt nếp luân-lý mới, tôn giáo mới, văn-hóa mới, một cuộc sinh hoạt mới, đẹp-đẽ chắc-chắn hơn những nền tảng ngày xưa.*

Bao nhiêu cảnh nghèo nàn sự ngu dốt, sự hèn nớn, những điều lầm lỗi, đồi phong, bại tục, của toàn-thể dân-quê, ngày nay đều như nhắc lại một cách tha thiết cho ai là những kẻ đã *phá hủy* phải biết ra công *xây dựng* lại.

NGHIÊM XUÂN YỂM

ĐÃ XUẤT BẢN :

MỘT GIAI PHẨM CỦA THƯ XÃ ALEXANDRE DE RODES

TRUYỆN TRẺ CON PERRAULT

PHÁP VĂN VÀ VIỆT VĂN ĐỐI CHIẾU

bản dịch của ông

NGUYỄN VĂN VĨNH

bìa 4 màu của họa-sĩ **Mạnh Quỳnh**, *140 trang khổ lớn album 22 × 32, toàn tranh ảnh.*

...hơn 300 năm nay, những truyện thần-tiên bất-hủ như : « Con Lọ Lem, Con Yêu râu xanh, Thằng bé tí hon, Hoàng-tử có bờm » v, v... đã làm vui, buồn, mừng, giận bao nhiêu trẻ con trong thế giới.

Thư-Xã Alexandre de Rhodes đã cho in lại bản dịch tuyệt-khéo của ông Nguyễn-văn-Vĩnh, kèm thêm nguyên-văn là một áng văn trong trẻo kiệt-tác nhất nước Pháp.

Bản giấy Đại-la . . . . . **12$50**, cước **1$20**
Bản giấy thường. . . . . **2$50**, — **0$60**

TỔNG PHÁT HÀNH

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes, HANOI

GÕ DẦU TRE

(Tiếp theo trang 20)

thủ-thỉ thưa rằng: « Con tưởng con gà sống của thầy mới gọi là « le coq». Lúc ấy, nếu thầy không cười ra nước mắt thì liệu thầy có la trời la đất lên không? Nếu không nhẫn-nại thì thầy nhịn làm sao nổi, vì khoa Sư-phạm bắt buộc thầy không được gắt gỏng với trẻ con. Thầy lại phải biết khoa tâm-lý-học để hiểu biết tâm-tính và tính nết trẻ, và sự biến hóa của nó để tùy người, tùy tuổi, tùy thiên-tư, bản chất mà dạy dỗ; thầy lại phải là họa sỹ, là văn sĩ, là nhạc sĩ ít nhiều. ... là gì gì nữa ... là tất cả. Ấy là tôi chưa kể rằng thầy phải có một thân-thể cường-tráng để có thể đem thể-dục đi đôi với đức-dục và trí-dục thì việc giáo-dục của thầy mới hoàn-toàn; thầy lại phải biết bơi biết lặn, biết trồng cây, ươm giống....biết gì gì nữa....biết tất cả. Lại còn bao nhiêu huấn lệnh của khoa Sư-phạm, bao nhiêu mánh khóe nhà nghề thầy phải biết thực hành thì sự khó nhọc của thầy mới ích lợi cho trò em. Nói tóm lại, bao nhiêu tâm tính hồn-nhiên của thầy uốn nắn, bao nhiêu khối óc ngây thơ để thầy mở mang, bao nhiêu tính xấu để thầy bài trừ, bao nhiêu nết tốt để thầy khuyến khích....bao nhiêu đứa trẻ để thầy hun-đúc thành con hiền dân giỏi. Công việc ấy, xin nhắc lại, nếu không nhẫn-nại, không yêu trẻ, yêu nghề thì gánh vác làm sao nổi? Bởi vậy, nhà Giáo đã chiếm được lòng sùng bái của nhà đại-thi-hào Vitor Huco cũng không là một điều quá đáng.

Đấy là những tài-năng và đức tính của thầy cần phải có trong nhà trường. Ở ngoài xã-hội, nghề nghiệp cũng bắt thầy phải sống trong «mô phạm» không tự do phóng-khoáng như ai. Thầy sống dè dặt và bận bịu. Ở một công chức khác, sự mua vui bằng quân bài, hoặc nguyệt hoa dưới xóm chị em, thì người ta chỉ cho là một sự thường, hay quá nữa, một chỗ hèn yếu của con người. Nhưng ở một nhà Giáo lại là một chuyện khác. Đó là một tội cùng đạo đức một gương xấu cho con em; người ta sẽ không tiếc lời bình phẩm và chế diễu. Vậy một nhà giáo biết trọng nghề có bao giờ được hưởng những thú vui trong cuộc nhân sinh một cách đầy đủ. Không phải là nhà tu hành, nhưng cuộc đời của thầy phải là một cuộc đời khắc khổ và cần cù để giữ vững cái giá trị của mình và của nghề.

Một công chức khác, trong cuộc sống hàng ngày, luôn luôn có dịp giao tiếp cùng công chúng, tai mắt được luôn luôn nghe, trông sự mới lạ trong cuộc đời phức-tạp, sở văn, sở kiến có thể nhân đó mà tăng tiến. Nhưng cuộc đời của nhà Giáo bình-nhật dính liu cùng lũ trẻ, nó bình dị quá, nó bình thản quá, nó lững lờ như một dòng nước trôi xuôi. Năm nay thầy dạy đạo làm con phải có hiếu với cha mẹ thì sang năm đạo làm con cũng vẫn phải có hiếu với cha mẹ; năm nay thầy dạy hình tam giác là hình ba cạnh thì sang năm nó cũng vẫn chỉ có ba cạnh mà thôi. Kiến văn của thầy eo hẹp lại, tri thức ngày một cùn đi, rồi bị đóng khuôn vào cái chương trình dạy trẻ. Học vấn như một con thuyền lên thác, nếu nó không tiến được, thế tất phải lùi. Bởi vậy, thầy lại còn phải lo trau dồi tri thức để bao giờ nó cũng ở trên sự đòi hỏi của nghề nghiệp.

Trở lên là những cái khó khăn, nhưng cái phiền toái của nghề nghiệp. Phụ vào đấy lại còn bao nhiêu cái khó chịu trong sự giao thiệp với phụ huynh học trò, nếu thầy làm việc ở mạn ngược hay thôn quê. Phụ vào đấy còn bao nhiêu nỗi ưu tư về gánh nặng gia đình, bao nhiêu cái buồn về túng thiếu: Sự thực là như thế....

LÂM TUYỀN KHÁCH

SẼ XUẤT BẢN:

A Q CHÍNH TRUYỆN

của LỖ-TẤN, ĐẶNG-THÁI-MAI dịch

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

Hỡi nhân-dân Pháp các ngươi thật có một trí nhớ ngắn-ngủi.

Có nói để các ngươi biết sự gắng công vĩ-đại của nghiệp nông ta, đã cày cấy được hàng triệu mẫu ruộng, tuy rằng hàng triệu nhân dân đương bị giam giữ. Có nên nói để các ngươi biết thiếu niên ta đương luyện cho thân-hình cứng-cáp và linh-hồn mạnh-mẽ. Có nên nhắc để các ngươi biết, những lời phẩm-kết của các nước trung lập đối với nước ta và sự tôn-trọng của họ đối với nền phục-hưng đầu tiên của chúng ta.

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó sẽ thành sự thực nếu các ngài bỏ 1$00 mua VÉ SỐ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

HƠI THỞ TÀN

Tiểu thuyết của NGUYỄN HỒNG

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

Được tin bà Lưu trọng-Lư vừa mất tại quê Quảng, chúng tôi rất cảm động chi buồn cùng thi sĩ Lưu.

NGUYỄN-TUÂN

CÁC BẠN ĐÓN COI:

KHÔNG NẮNG THÌ MƯA

KỊCH BA HỒI

của ĐOÀN PHÚ TỨ

Nay mai sẽ đăng trong THANH NGHỊ

Từ tháng mười tây 1943
đến tháng năm tây 1944

BAN KỊCH THẾ LỮ

LẦN LƯỢT DIỄN:

15 VỞ KỊCH GIÁ-TRỊ

= *CỦA CÁC NHÀ VĂN CÓ TIẾNG*

RÁCH LÀNH ĐÙM BỌC

Mùa đông tháng giá tới nơi! Trong khi mà những nhà giầu có đã thừa sự ấm-áp, thì biết bao người nghèo khó không quần không áo che thân, phải dãi dầu trước những cơn mưa phùn gió bấc!

Giúp cho kẻ khó manh quần tấm áo trong lúc sợi khan vải đắt này, tức là cứu một mạng người sống qua thì đói, khỏi thì loạn.

Hãy giúp sức cho ban Cứu-tế mùa đông có đủ mười vạn đồng để tiến hành công cuộc đó.

Thư từ và ngân phiếu xin gửi cho ông:

HOÀNG HỮU HUY

ỦY-VIÊN THƯỜNG TRỰC BAN CỨU-TẾ MÙA ĐÔNG

125, Boulevard Henri d'Orléans Hanoi

ĐỌC SÁCH XEM KỊCH

L. H. V.

— NGUYỄN Tuân *Quê Hương* Anh Hoa
— *Đồng Bệnh* của Khái Hưng ở nhà Bắt lớn Hà-nội.

∴

Nhan đề cuốn sách kể cũng đã khéo chọn. Trước kia còn ở Hà-Nội Tân-Văn thì tên sách là *Thiếu Quê-Hương*. Nghe thật thà, vụng về quá nên ông Nguyễn Tuân đã bớt đi một chữ. Bây giờ thì người ta không còn biết là một câu nói mỉa mai, hằn học hay một nụ cười cảm động

Một chàng thanh niên đã từng đi khắp đó đây, một ngày kia, vì một phút yếu đuối, giở về chốn chôn rau cắt rốn. Thường những sự xa-ngã hay đi liền với nhau. Anh chàng đã phạm cái lỗi giở về, lại đèo thêm cái tội bằng lòng lấy vợ. Kể đối với một người giang hồ quen thói như Bạch-tên nhân-vật trong truyện — thì phạm vào cái tội thứ hai ấy kể cũng ngờ nghệch, ngu-dại. Và vì thế thiện-cảm của tôi đối với hắn cũng dậm ít nhiều. Ba trăm trang giấy của bản tiểu-thuyết dài của Nguyễn Quân là để tả cái tam trạng cái người «chực đi mà không được», nào lúc đưa em, tiễn bạn, lúc gặp những vật nhắc nhở lại hồi xưa (một cô gái bán hàng, một cái va-li)

Kể cái tâm trạng của kẻ mến giang-hồ - «đi để mà đi» cũng chẳng có gì mới lạ lắm. Ở các nước phương tây, những giây giăng buộc vốn ít những cách giao-thông lại nhiều nên kẻ bỏ xứ sở ra đi thật lắm. Kịp đến cuối thế kỷ trước, đầu thế kỷ nay thì văn-chương bắt đầu ca tụng các cuộc viễn-du. Cái thú buổi sáng mở mắt dậy thấy một phong cảnh mới, cái bí mật đáng yêu của những bờ xa bến lạ để cảnh dỗ lòng người. Nhà văn cũng hiểu thế nên phiêu-lưu thành một đầu đề ưa chuộng.

Fuir, là bas fuir ! je sens que des oiseaux sont ivres... Âu cũng là bởi còn nhớ đến cái thủa lang thang xưa đan mục súc từ miền này qua miền nọ.

Nhưng ở nước ta thì cái tâm trạng đó, có mấy đặc điểm sau này. Một là, vì sự bỏ nước ra đi rất khó cho nên chí giang-hồ phát ra bằng những lời hằn học: Bạch là tiêu biểu rất xứng đáng cho trai Việt-Nam giang hồ, ra đi mà không đi được, nỗi giận chút vào cà phê, rượu và anh em bạn, bám vào những vật nhắc nhở đến phiêu lưu (va-li, bạn gái cũ ở nước ngoài, anh linh lê-dương...) Hai là vì mình thuộc một dân tộc nghèo nên cái hi-vọng của khách giang-hồ là được sống một ngày huy hoàng như các vua, chúa.

Bạch của Nguyễn Quân cũng chỉ ước mong hút xì gà thượng hạng, ăn ở trong các khách sạn tuyệt sang, rộng rãi với bọn hầu hạ.

Vì những cớ đó, nên đáng lẽ như các nhà văn ngoại quốc, Nguyễn Quân tả cho ta xem các phong cảnh xa lạ, tâm lý mọi giống người thì dằng này ông làm cho ta thèm muốn, rạo rực. Ấy cũng tỉ như một người ác nghiệt đáng lẽ cho trẻ nó nếm qua cái hương vị một món ăn ngon lại bắt chúng dí mũi vào cửa kính mà nhìn. Cái kết quả có lẽ cũng như nhau — đứa trẻ muốn ăn, muốn tận hưởng, nhưng một đằng nó khoan khoái liếm môi chờ, một đằng nó bực tức, khó chịu.

∴

Một bữa tiệc hằng năm, không thể khước-từ, giữ tôi lại đến quá mười giờ tối nên lúc tới nhà hát thì *Cậu Cả* đã diễn xong rồi mà *Đồng Bệnh* đương giở hồi đầu, *Cậu Cả* với *Đồng Bệnh* cùng của ông Khái-Hưng, một buồn một vui, Thật đáng tiếc cho tôi vì cùng trong một buổi tối mà vừa được nhìn nét mặt nghiêm buồn vừa được nghe tiếng cười ròn rã của một nhà văn thật là cũng hiếm. Nhất là, sau khi đọc quảng cáo, tôi lại muốn sống lại những kỷ niệm thủa bé, hồi còn rạp chớp bóng đèn Bà-Kiệu, cứ sau một phim dài lại có một phim khôi hài nho nhỏ.

Buổi tối đặc sắc *Đồng Bệnh* nhẹ nhàng mà lanh lẹn. Đó là chuyện một ông nghị muốn tìm cho con giai một cô vợ nhiều tiền, Bèn giả vờ mắc bệnh thần kinh để cho ông bạn có con gái, cùng một bệnh «tương liên». Kết-cấu, mọi việc đều hoàn hảo.

Ban kịch Thế Lữ đã làm hết phận sự. Nguyễn Tuân, Thế Lữ vẫn là hai kép nổi nhất trong đoàn.

. . . . . Chỉ nên trách nhà dàn cảnh đã quá lợi dụng sự đập vỡ chén, lọ để làm vui khán giả

VIỆC QUỐC TẾ

Tren mặt trận Nga, khắp từ khu Velikie-Lukie ở phía Bắc xuống tới bán-đảo Crimée ở phía Nam, Hồng-quân tấn công dữ dội.

Khu Velikie-Luki, quân Nga đánh ở phía Nam và Tây Nevel, xong không có kết-quả rõ-rệt.

Quá phía dưới ở phía Đông Vitebsk và trên đường Smolensk — Minsk, Hồng-quân chọc thủng được phòng tuyến Đức ở vài nơi.

Nhưng ở khu Kiev, quân Nga đã thắng được những trận quan-trọng Ngày 7 Novembre Hồng-quân lấy lại được Kiev thủ-đô xứ Ukraine, và sau đó những cuộc tấn công tiếp tục về ba phía : Tây Bắc, Tây và Tây-Nam. Phía Tây - Nam quân Nga chiếm được thành phố Vasilkov và tiến về nẻo Pastov nhưng rất chậm ; phía tây Hồng-quân đánh lấy Makarov và tới ngày 16 Novembre thì hạ được thành Jitomir, cách Kiev 120 cây số và cách biên-thùy Ba-Lan 115 cây ; phía Tây-Bắc quân Nga vượt qua sông Toterev, chiếm thành Malin và tiến tới hạ thành Korosten ở phía Bắc Jitomir.

Trong khi đó quá phía trên, *khu Gomel — Chernigov*, cũng có những trận tấn công rất kịch liệt. Hồng-quân đã bao vây được Gomel cắt đứt đường thiết-lộ Gomel-Pinsk ; và phía dưới từ Chernigov tiến về nẻo địa điểm Ovrucht, chiếm được Kaganovich, một thành phố ở Tây-Nam Chernigov cách 110 cây số và ở Tây-Bắc Kiev cách 100 cây.

Khu *hạ lưu và khuỷu sông Dniepr*, quân Nga cũng tấn công rất dữ ; ở trên từ Zaporojie tới Krivoirog ; ở dưới theo dọc sông Dniepr từ Nikopol tới Kherson, Nga cố đánh lấy những đầu cầu.

Trên bán-đảo Crimée bắt đầu từ ngày 2 Novembre. Hồng-quân đổ bộ ở nhiều nơi và tới ngày 11 Novembre thì chiếm được thành *Kertch*. Ở phía Bắc Nga cố chiếm vùng Perekop và như thế quân Đức-Lỗ trên bán đảo Crimée bị cô-lập hết đường rút lui trừ đường bể trên Hắc-hải mà cũng khó khăn.

∴

Mặt trận Ý, quân Đồng-minh vẫn tiến lên phía Bắc nhưng rất chậm. Cuộc tấn công của quân Anh Mỹ bắt đầu thêm mạnh vì có viện binh tới. Ở phía Tây lộ-quân Mỹ thứ năm của tướng Clark, tiến trên đường Rome, qua vùng Venafro-Mignano, nhằm nẻo Passino, gặp nhiều pháo đài rất mạnh của Đức, và hiện nay tập trung chung quanh một ngọn núi cao 2000 thước, hiểm trở nhất trên đường Rome.

Ở phía Đông lộ quân Anh thứ tám của tướng Montgomery sau khi chiếm được nhiều thị-trấn ở vùng Isernia và thành Vasto trên bờ bể Adriatique đã tiến lên phía sông Sangro đặt-trận-tuyến theo dọc sông này từ bờ bể cho tới giẫy núi Apennins.

∴

Trên mặt trận Nam-tư-lạp-phu, vẫn có nhiều trận kịch liệt. Quân Đức nhờ có viện binh, tấn công rất mạnh và đã đánh lui quân Nam-Tư ở mấy nơi. Trong khi đó quân Đức lại đổ bộ lên nhiều đảo ở vịnh Fiume như Okra, Cherso, Lussino để trợ-lực những cuộc tấn-công trong nội-địa.

∴

Trên trường ngoại-giao, thái-độ của Thổ vẫn còn bí mật. Có tin sau cuộc hội-nghị giữa ngoại tướng Thổ và ngoại tướng Anh ở Le Caire (Ai-Cập), bao nhiêu đường điện thoại giao-thông giữa Thổ và các nước bị cắt đứt. Thổ muốn ngả về phe đồng Minh chăng ? Nhưng sau khi đó quân Đức đổ bộ và chiếm nhiều đảo ở vùng quần-đảo Dodécanèse nhìn vào đất Thổ, liệu cuộc uy-hiếp đó có ảnh-hưởng gì tới thái-độ Thổ không ?

Có tin tướng Giraud đã từ-chức chủ-tịch ủy-ban Alger và tướng De Gaule lên thay.

Trên Thái-Bình Dương, quân Nhật-Mỹ vẫn kịch-chiến trên đảo Nouvelle Guinée. Trong khi đó quân Mỹ định đổ bộ xuống đảo Bougainville ở quần đảo Salomon nhưng bị quân Nhật đánh thua tới năm lần.

Ngày 5 - 6 Novembre, ở Đông-Kinh, Hội-nghị Đại Đông Á gồm có đại-biểu các nước Nhật-Bản, Trung-Hoa, Mãn-Châu, Phi-luật-Tân, Diến-Điện, Chính-phủ Ấn-độ tự do, đã họp để bàn về việc theo đuổi chiến-tranh và kiến-thiết khu Đại-Đông Á.

∴

Ở Đông Dương. Hồi 4 giờ chiều hôm thứ bảy 13 Novembre 1943, trong một căn phòng rộng rãi lịch sự và thân mật tại nhà Đông Dương học xá, Tổng hội Sinh viên đã khai-mạc phòng Triển lãm và bán tranh vẽ sơn do một số sinh viên lưu trú tại học xá tổ-chức lấy tiền giúp nạn nhân Haiphong nằm điều-trị tại nhà thương Yersin.

Lần đầu tiên anh em sinh viên chứng tỏ điều ích lợi của Đông Dương học xá về sự liên lạc và cộng tác dễ dàng giữa sinh viên để theo đuổi những công cuộc xã-hội.

Viết ngày 18 Novembre 1943

Đ. Đ. D.

SỐ TẾT

THANH-NGHI

ĐẶC BIỆT VĂN CHƯƠNG VÀ MỸ THUẬT

Một dịp hội họp tao nhã của các nhà văn vẫn được các bạn mến yêu

THƠ, TRUYỆN NGẮN, TRUYỆN DÀI, TRUYỆN DỊCH, TÙY BÚT, TIỂU LUẬN, KỊCH

Của BÀ PHAN ANH, HUY CẬN, XUÂN DIỆU, VŨ HOÀNG CHƯƠNG, ĐỖ ĐỨC DỤC, ĐẶNG THÁI MAI, THẾ LỮ, VŨ ĐÌNH HÒE, ĐỖ ĐỨC THU ĐOÀN, PHÚ TỨ, ĐINH GIA TRÌNH, NGUYỄN TUÂN, LÊ HUY VÂN, TÔ NGỌC VÂN, HƯỚNG MINH, NGUYỄN LƯƠNG NGỌC, vân vân....

Chú ý — *1) Bởi lẽ giấy khan, số in chỉ có hạn. Đại-lý cần bao nhiêu xin cho biết ngày. (Riêng một số này sẽ gửi lãnh hóa giao ngân.*

2) Các bạn đọc muốn góp vui vào số này xin kịp gửi bài về, không cần nói về Tết. Chỉ cần là những bài đặc sắc.

HỘI PHỤ HUYNH HỌC-SINH VIỆT-NAM

HỘI QUÁN MỚI: SỐ 119, PHỐ JULIEN BLANC — HANOI

Đại Hội-Đồng thường niên của H. P. H. H. S. V. N. đã cử ban trị-sự mới, có những vị sau này:

Hội-trưởng: Ô. ĐẶNG-HANH-KIÊN, Y-sỹ sở Y-tế thành phố Hanoi.

Phó-hội-trưởng Ô. NGUYỄN-HỮU TÀI, giáo-sư trường trung-học Albert Sarraut.

Tổng-thư-ký: Ô. NGUYỄN-VĂN-BÈ, tham-tá Nha-học-chánh Đông-dương.

Phó-thư-ký: Ô. LÊ TƯ LÀNH giáo-sư trường Gia-long.

Thủ-quỹ: Ô. ĐỖ TRÍ-LỄ, giáo-sư cử-nhân trường trung học Đỗ HỮU VỊ.

Hai kiểm-sát: Ô. THẨN-DUY HƯNG, bác-sỹ y-học.

Ô. ĐẶNG ĐÌNH SĨ, chú-sự tòa Đốc-lý Hanoi.

và bốn cố-vấn: Ô. DƯƠNG-VĂN-DZI, hội-viên thành-phố Hanoi.

Ô. HOÀNG HỮU-HUY, chủ-bút báo Hanoi-soir và Đông-pháp.

Ô. TRƯƠNG HỮU KỲ, tham-tá sở Kiểm-sát tài-chánh.

Ô. VŨ ĐÌNH MẪN, Cán-sự chuyên-môn canh nông.

Ô. NGUYỄN HỮU-PHIẾM, bác-sỹ.

~~Ô. NGUYỄN GIA-TƯỜNG, giáo-sư trường Trung-học bảo-hộ.~~

Sự hoạt-động sẽ theo một chương-trình nhất-định và công việc thì có mười một ban chuyên-môn cùng chung sức lo liệu tiến hành.

Mười một ban chuyên-môn là:

1°) BAN ĐƠN-TỪ trông coi về các đơn khiếu-nại hay yêu-cầu

2°) BAN NHÀ Ở, ăn uống và quần áo của học sinh thì săn sóc đến đời sống vật-chất của học trò. Công việc rất quan-trọng và thiết-thực.

3°) BAN HỌC-CHÁNH nghiên-cứu các chương-trình từng bậc học và để ý đến các giáo viên cùng sách học của học-sinh, mục-đích làm cho học sinh học tập được lợi ích.

4°) BAN COI HỌC TỐI.

5°) BAN THỂ-THAO, NGHỈ MÁT VÀ GIẢI TRÍ.

6°) BAN VỆ-SINH và Y TẾ chuyên giữ dìn sức khỏe cho học-sinh.

7°) BAN HỌC-BỔNG VÀ PHÁT THƯỞNG.

8°) BAN HƯỚNG NGHIỆP giúp học sinh biết chọn lấy nghề thích-hợp với tài-năng của mình và cung cấp được đủ cho sự nhu-cầu của xã-hội.

9°) BAN CỔ ĐỘNG.

10°) BAN KHÁNH TIẾT MÀ TÀI CHÍNH.

11°) BAN PHỤ NỮ riêng coi về các nữ học sinh và nhũ đồng.

Ban trị-sự mới của H. P. H. H. S. V. N. bắt tay vào làm việc đã định rõ chương trình là thế. Muốn cho quốc-dân không đè đặt tín-nhiệm, Đại-hội đồng còn bầu thêm một ban đặc-biệt để kiểm-sát công việc của hội. Ban này có những vị:

Trưởng-ban: Ô. NGUYỄN-QUANG-ĐÍNH, giáo-học ở Trường Trung-học con trai Pháp ở Hanoi.

Thư-ký: Ô. TRẦN-TẤN-THỌ, thương-gia.

và ba hội-viên: Ô. HIẾU MARIUS làm báo.

Ô TRƯƠNG-ĐÌNH-NGỌC, lương-y.

Ô. ĐẶNG-VĂN-TẤN, kỹ-nghệ gia.

Tuy đường-đi của Hội dài và công việc của Hội nặng, nhưng chúng tôi tin rằng làm đấng phụ huynh hy-sinh cho con em có nhiều đến đâu cũng không bao giờ thiệt, nên Hội đã thành lập và cứ thành thực tiến hành để giúp ích cho thanh niên, xã hội.

H. P. H. H. S. V. N. tại các

TRƯỜNG CA

của XUÂN DIỆU

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

NGẬM NGẢI TÌM TRĂM

của THẠNH TỊNH

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

TỦ SÁCH
TÂN VĂN HÓA
ĐÃ CÓ BÁN:

Luân Lý Thực Nghiệp

của LÊ VĂN SIÊU 2$50

SẮP PHÁT HÀNH

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

LÊ THÁNH TÔN

của CHU THIÊN

— Rất nhiều tài liệu chưa ai nghiên-cứu đến về xã-hội Việt Nam thời vua Lê Thánh-tôn.

— Một thời thịnh trị nhất của nước ta trong lịch sử.

— Một thời mà dân trí Việt Nam đã đến một *trình độ văn minh* rất cao, mà một trăm năm sau các nước *Anh, Pháp* mới đạt tới.

— Bộ luật Hồng Đức chan chứa một tình bác ái công minh và hội Tao Đàn, viện Hàn Lâm văn học đầu tiên nước ta. Với tất cả cái hay cái đẹp của nó.

Hàn-Thuyên: 71, Tiên-Tsin — Hanoi

KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC

TẬP SAN

do ban Văn Học Hội K. T. T. Đ. biên soạn

TRẦN TRỌNG KIM - NGUYỄN QUANG OÁNH - DƯƠNG QUẢNG HÀM — NGUYỄN VĂN HUYÊN - PHẠM DUY KHIÊM NGUYỄN CAN MỘNG — HOÀNG XUÂN HÃN — BÙI KỶ — NGUYỄN MẠNH TƯỜNG — TRẦN VĂN GIÁP — LÊ DƯ — DƯƠNG BÁ TRẠC — vân vân

Hiện đã có 5 quyển — Giá toàn bộ là: 3$20
Ở xa thêm 0$80 *tiền cước phí — Gửi lãnh hóa giao ngân hết* 4$70.

Ngân phiếu đề cho:
Thời-Đại xuất bản cục.

THỜI ĐẠI TỔNG PHÁT HÀNH

Số 214 — Phố Hàng Bông — HANOI

ĐÃ CÓ BÁN:

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một cuốn triết học nhập môn thật dễ hiểu nhưng không thường.
Một cuốn triết học sử phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của nền triết học phương Tây.
Sách 350, khổ rộng, trình bày mỹ thuật. Giá . . . . . 5$00

CÒN MỘT ÍT: TRIẾT HỌC FREUD (2$50) TRIẾT LÝ VỀ VŨ TRỤ HAY NHÂN SINH (2$30) TRIẾT HỌC EINSTEIN (2$30) — THI RÀO TAGORE (4$80) VÀNG SAO (2$50) — LUẬN TÙNG (1$50) — TRONG 99 CHÓP NÚI (1$00).

SẮP CÓ BÁN: TRIẾT HỌC DESCARTES

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT — 29, Lamblot, Hanoi

MỘT MÓN QUÀ QUÝ TẶNG CÁC
EM NHỎ TRONG DỊP TẾT :

THANH-NGHỊ

TRẺ EM

ĐÓNG THÀNH TẬP 32 SỐ

Giá : (cả cước phí bảo đảm) **4$00**

THƯ VÀ NGÂN PHIẾU ĐỀ CHO :

ÔNG VŨ ĐÌNH HOÈ

=SỐ 214 HÀNG BÔNG HANOI=

BÁO THANH NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẶT TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 1er Décembre 1943

— Chia rẽ	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Hiến pháp lâm thời Trung Hoa	PHAN ANH
— Chính-phủ can-thiệp vào Kinh-tế	VŨ VĂN HIỀN
— Chò, mèo và chuột. Truyện của Lỗ Tấn	ĐẶNG THÁI MAI
— Việc học nghề	HOÀNG ĐẠO THÚY
— Những bệnh gia truyền. Bệnh lao	NGUYỄN ĐÌNH HÀO
— Chương trình và phương pháp dạy trong lớp Cao đẳng bình dân	VŨ ĐÌNH HÒE
— Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17	NGUYỄN TRỌNG PHẤN
— Bến mà, *truyện ngắn*	THANH TỊNH

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1er Mai 1939 N° 3089
Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE — Fondateur : DOÃN KẾ THIỆN — Imp. TRUNG BẮC